

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ
(Áp dụng từ khóa 2023)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 10/2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-ĐNT ngày 30/10/2023
của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình : **LUẬT KINH TẾ**
Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo : **LUẬT KINH TẾ**
Mã ngành : **7380107**
Loại hình đào tạo : **CHÍNH QUY**
Ngôn ngữ giảng dạy : **TIẾNG VIỆT, TIẾNG ANH**

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
<i>2.1. Cấu trúc chương trình:.....</i>	<i>13</i>
<i>2.2. Danh sách các học phần.....</i>	<i>14</i>
<i>2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT</i>	<i>23</i>
<i>2.4. Ngôn ngữ giảng dạy các học phần.....</i>	<i>46</i>
<i>2.5. Hình thức đánh giá cuối kỳ.....</i>	<i>49</i>
<i>2.6. Sơ đồ - Ma trận</i>	<i>52</i>
<i>2.7. Kế hoạch giảng dạy dự kiến</i>	<i>56</i>
<i>2.8. Bảng phân công giảng dạy dự kiến</i>	<i>62</i>
<i>2.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo</i>	<i>75</i>
<i>2.10. Mô tả các học phần:</i>	<i>77</i>

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung

Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tiếp đến sẽ là AEC và CPTPP, qua đó sẽ mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp. Đây chính là “mảnh đất màu mỡ” cho những ai đam mê theo đuổi nhóm ngành Luật, đặc biệt là Luật kinh tế nhằm phục vụ cũng như tham gia vào bộ máy hoạt động của doanh nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu này, nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Luật Kinh tế sẽ luôn là đối tượng “săn đón” của các nhà tuyển dụng.

Luật kinh tế là một bộ phận của pháp luật về kinh tế, là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau. Luật kinh tế ra đời nhằm duy trì và giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại cũng như đảm bảo quy trình hoạt động của các doanh nghiệp trong quá trình trao đổi, giao thương cả trong nước và quốc tế.

Ngành Luật kinh tế được đào tạo ở nhiều trường như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật Tp.HCM, Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Kinh tế Tp.HCM, trong đó có thể kể đến Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM (HUFLIT). Học tại HUFLIT, các bạn sẽ được học tập, sinh hoạt trong điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất, lớp học giới hạn sĩ số, tương tác hiệu quả với các giảng viên giàu kinh nghiệm trong hành nghề luật, đặc biệt là luật kinh tế, thương mại.

Bên cạnh chương trình học được cập nhật thường xuyên theo tiêu chuẩn các đại học hàng đầu thế giới, sinh viên ngành Luật kinh tế còn được lĩnh hội đầy đủ khối kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, kỹ năng tranh tụng tại các tòa án, trọng tài thương mại quốc tế, khả năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn, kỹ năng đàm phán, tư duy logic, ... nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình thực hành nghề nghiệp khi ra trường. Đặc biệt, ngay từ năm thứ hai, sinh viên ngành Luật kinh tế của HUFLIT đã có thể trực tiếp tham gia học việc, trải nghiệm thực tiễn tại các công ty Luật, Bộ phận tư vấn Luật trực thuộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Song song đó, sinh viên Luật kinh tế còn được trang bị tốt ngoại ngữ, đặc biệt là sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên về pháp lý để có thể trở thành các luật gia, trọng tài viên, các nhà hòa giải chuyên nghiệp trong môi trường thương mại toàn cầu.

Theo nhận định của các chuyên gia, TP. HCM là địa bàn sôi động nhất của nghề luật. Đây chính là cánh cửa rộng mở để sinh viên Luật kinh tế đi đến những vị trí công việc hấp dẫn trong tương lai.

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật kinh tế thuộc Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM (HUFLIT) được ban hành từ năm 2015 - khóa tuyển sinh đầu tiên, và được cập nhật thường xuyên để đáp ứng nhu cầu xã hội. CTĐT được chuyển sang hình thức học chế tín chỉ hiện tại là **140** tín chỉ, thời gian đào tạo là **3.5 năm**.

CTĐT ngành Luật kinh tế tích hợp những học phần đào tạo kiến thức chuyên môn, kiến thức ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết kết hợp với đội ngũ giảng viên, điều

kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.

1.2. Thông tin chung chương trình đào tạo

STT	Mục thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình	Luật Kinh tế
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	TNĐH/ Cử nhân
4	Mã ngành	7380107
5	Loại hình đào tạo	Chính quy/ toàn thời gian
6	Thời gian đào tạo	3.5 năm
7	Số tín chỉ	140 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
8	Cấp độ giảng dạy bằng ngoại ngữ	Từ 0 đến 3
9	Đơn vị quản lý	Khoa Luật
10	Website	www.huflit.edu.vn
11	Điện thoại	(028) 77702345 (120)
12	Ngày ban hành	

1.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học top đầu trong nước về đào tạo ngành nghề sử dụng ngoại ngữ và tin học làm công cụ chiến lược để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

1.4 Tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Khoa Luật

*Sứ mạng

Đào tạo ra những cử nhân Luật Kinh tế có kiến thức và kỹ năng hành nghề tư vấn, phát triển và quản lý doanh nghiệp, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện chức năng của chuyên gia pháp lý tại các doanh nghiệp, có thể độc lập đưa ra đề xuất giải quyết tình huống pháp lý trong kinh doanh, nắm vững các thao tác nghiệp vụ khi doanh nghiệp tham gia vào các vụ tố tụng phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật Kinh tế tốt nghiệp tại Khoa Luật có thể công tác tại khu vực doanh nghiệp, công tác tại hệ thống Tòa án nhân dân, các Trung tâm trọng tài thương mại và các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý. Sinh viên cũng có thể theo học các khóa đào tạo nghề luật sư và hành nghề luật. Bên cạnh kiến thức và kỹ năng hành nghề luật, Khoa Luật cũng chú trọng đào tạo đạo đức và thái độ của các cử nhân luật tương lai đối với xã hội và cộng đồng.

*Tầm nhìn

Hướng tới xây dựng một ban giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giỏi chuyên môn, thạo ngoại ngữ, có thái độ đóng góp cho cộng đồng và thúc đẩy học kết hợp với hành. Để thực hiện nhiệm vụ, Khoa Luật hợp tác chặt chẽ với các khoa và viện đào tạo của Huflit cũng như với các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy luật khác trong khu vực phía Nam và toàn quốc. Nghiên cứu giỏi, hành nghề giỏi sẽ giúp giảng dạy giỏi, từ hệ cử nhân, Khoa Luật sẽ từng bước phát triển đào tạo các bậc sau đại học trong chuyên ngành Luật kinh tế.

Khoa Luật phát triển theo định hướng kết hợp nghiên cứu với thực hành, phấn đấu đến năm 2030 trở thành: đơn vị đào tạo luật có uy tín của quốc gia, đào tạo các chuyên gia pháp lý có đủ năng lực và tố chất để làm việc trong môi trường hiện đại.

***Triết lý giáo dục**

Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung:

Chương trình ngành Luật kinh tế đào tạo bậc cử nhân đại học có kiến thức nền tảng về ngành luật nói chung, đồng thời có kiến thức chuyên ngành về pháp luật trong lĩnh vực thương mại; có khả năng ứng dụng những quy định của pháp luật thương mại trong thực tiễn và có kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh) để có thể làm việc trong môi trường thường xuyên sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tự hành nghề liên quan đến pháp luật hoặc làm quản lý hoạt động kinh doanh ở các cơ quan quản lý nhà nước.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể: Cử nhân ngành Luật kinh tế phải đạt được những tiêu chuẩn sau:

- **Kiến thức**
- Kiến thức

PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.

PO2: Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.

- **Kỹ năng**

PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

PO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế bao gồm 12 chuẩn đầu ra. Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

- Kiến thức

PLO1: Có các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống.

PLO2: Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.

PLO3: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành phù hợp với ngành luật kinh tế.

PLO4: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

PLO5: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

PLO6: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Kỹ năng

PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn phức tạp trong lĩnh vực pháp luật.

PLO8: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật nói chung và lĩnh vực pháp luật kinh doanh, thương mại nói riêng và lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

PLO9: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn, thương lượng, hòa giải, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân.

PLO12: Có năng lực tự học, học tập suốt đời, có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT như bảng 1 dưới đây; theo đó, người học có thể đạt được mục tiêu chương trình đào tạo nếu đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT

MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	X	X										
PO2			X	X	X	X						
PO3							X	X	X	X		
PO4											X	
PO5												X

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành Luật kinh tế có cơ hội làm việc như sau:

- *Doanh nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý phụ trách những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh.

- *Cơ quan nhà nước*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế với kiến thức luật học và kinh tế học, có thể phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Thẩm phán ở các tòa án:* sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tham gia thi tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời tích lũy kinh nghiệm xét xử sẽ được đề cử bổ nhiệm làm thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp.

- *Các trung tâm tư vấn*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế còn có thể làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật.

- *Tự hành nghề*

+ Luật sư: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ luật sư và trải qua thời gian tập sự theo quy định pháp luật, sau đó có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho người dân, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước.

+ Thành lập các công ty luật hoặc mở văn phòng luật sư: sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật kinh tế có thể liên kết với bạn bè, đồng nghiệp mở các công ty luật, các văn phòng luật sư để thực hiện các hoạt động pháp lý cho các doanh nghiệp.

+ Công chứng viên: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, sau đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

- Tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Đăng ký xét tuyển khối D01 (văn, toán tiếng Anh), D66 (văn, giáo dục công dân, tiếng Anh), D15 (văn, địa, tiếng Anh), A01 (toán, lý, tiếng Anh)
- Có đủ sức khỏe.

1.8.2. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Thời gian đào tạo: **3.5** năm gồm 9 học kỳ trong đó có 8 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp.
- SV phải hoàn tất **140** tín chỉ, có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.
- Trình độ ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp hệ cử nhân đại học ngành Luật kinh tế đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu 520 điểm của chứng chỉ TOEIC hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- **Trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp hệ cử nhân đại học ngành Luật kinh tế đạt chứng chỉ tin học MOS (Word, Excel) hoặc chứng chỉ Công nghệ thông tin nâng cao.**

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Tập trung phát triển mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quá trình dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học này giúp cho việc đạt mục tiêu dạy học hiệu quả.

Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược giảng dạy trực tiếp.

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm:

(1). Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

(2). Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

(3). Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu

biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược giảng dạy gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

(4). Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

(5). Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

(6). Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm:

(7). Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

(8). Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

(9). Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh

viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm:

(10). Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

(11). Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

(12). Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

(13). Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.10. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Luật thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Luật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa XDCĐ được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

➤ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm:

(1). Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

(2). Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm

(3). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Khoa Luật, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

➤ **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm:

(4). Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

(5). Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

(6). Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

(7). Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

(8). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

(9). Đánh giá làm việc nhóm (PeerAssessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

1.11. Hệ thống tính điểm

Theo Điều 11, Điều 12 của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM (Ban hành theo quyết định số 476/QĐ-ĐNT ngày 30/12/2021 của Hiệu trưởng).

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập bằng điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là “điểm học phần”). Điểm học phần lý thuyết bao gồm:

- Điểm quá trình, chiếm trọng số 40% của điểm học phần (thang điểm 10).
- Điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 60% của điểm học phần (thang điểm 10).

Điểm được chấm theo thang điểm 10, điểm đạt là 4.0 trở lên. Sau đó, điểm được quy đổi sang thang điểm chữ, điểm số để tính điểm trung bình và xếp loại học lực.

Bảng 2. Hệ thống thang điểm của HUFLIT

Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
9.0 – 10	A+	4.0	Điểm đạt
8.5 – 8.9	A	4.0	
8.0 – 8,4	B+	3.5	
7.0 – 7.9	B	3.0	
6.0 – 6,9	C+	2.5	
5.5 – 5.9	C	2.0	
5.0 – 5.4	D+	1.5	
4.0 – 4.9	D	1.0	
Dưới 4	F	0.0	Không đạt

Bảng 3. Bảng xếp loại kết quả học tập

Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau (theo thang điểm 4):

Từ 3,6 đến 4,0:	Xuất sắc;
Từ 3,2 đến cận 3,6:	Giỏi;
Từ 2,5 đến cận 3,2:	Khá;
Từ 2,0 đến cận 2,5:	Trung bình;
Từ 1,0 đến cận 2,0:	Yếu;
Dưới 1,0:	Kém.

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	Giáo dục đại cương	29	6	35	

2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	10	0	10	
		Kiến thức ngành	38	0	38	
		Chuyên ngành	33	3	36	
		Kiến thức bổ trợ	9	3	12	
		Tốt nghiệp	3	6	9	
Tổng cộng			122	18	140	

- **Khối kiến thức đại cương** (35 tín chỉ) bao gồm các học phần lý luận chính trị, kiến thức khoa học xã hội – nhân văn, tự nhiên, ngoại ngữ thứ 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho ngành học.

- **Kiến thức cơ sở ngành** (10 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng của ngành học làm cơ sở cho sinh viên học tập các học phần chuyên ngành.

- **Kiến thức ngành** (38 tín chỉ) cung cấp những kiến thức cho sinh viên hiểu và áp dụng được những quy định pháp luật trong các tình huống ở các lĩnh vực kinh doanh, thương mại và quản lý nhà nước về kinh doanh, thương mại.

- **Kiến thức chuyên ngành** (36 tín chỉ) gồm kiến thức quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành kinh tế như thị trường tiền tệ và ngân hàng, thị trường bất động sản. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp trong kinh doanh. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để có thể tự hành nghề ở lĩnh vực liên quan đến pháp luật như luật sư, công chứng, tư vấn pháp luật.

- **Kiến thức bổ trợ** (12 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu nhằm trang bị cho sinh viên công cụ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ trong các lĩnh vực pháp lý.

- **Tốt nghiệp** (9 tín chỉ): Khối kiến thức này đào tạo cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ vào thực tế.

2.2. Danh sách các học phần

2.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: **35TC**

2.2.1.1. Lý luận chính trị: **11TC**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học phần trước
1	1010443	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	Triết học Mác – Lênin
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science Socialism</i>	2	

4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	
Tổng cộng			11	

2.2.1.2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh): **6 Tín chỉ**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP tiên quyết	HP trước
1	1010663	Tiếng Anh Tổng quát 1 <i>General English 1</i>	3		
2	1010673	Tiếng Anh Tổng quát 2 <i>General English 2</i>	3		Tiếng Anh tổng quát 1
Tổng cộng			6		

2.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng (Không tính vào điểm tích lũy).

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết
1	1010042	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical education 1</i>	2	60
2	Giáo dục thể chất 2: Chọn 1 trong các học phần:		3	90
	1010602	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình-Thẩm Mỹ NC) <i>Physical Training 2 - Fitness</i>	3	75
	1010612	Giáo dục thể chất 2 (Aerobic) <i>Physical Training 2 - (Aerobic)</i>	3	75
	1010622	Giáo dục thể chất 2 (Vovinam) <i>Physical Training 2 - (Vovinam)</i>	3	75
	1010632	Giáo dục thể chất 2 (Yoga) <i>Physical Training 2 - (Yoga)</i>	3	75
	1010642	Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ thể thao) <i>Physical Training 2 - (Dancesport)</i>	3	75
	1010652	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội) <i>Physical Training 2 - (Swimming)</i>	3	75
3	1010034	Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>Defense and security education</i>	3	165
Tổng cộng			8	

2.2.1.4. Kinh tế - xã hội – pháp luật: **15 Tín chỉ** (có 6 TC tự chọn)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết
1	2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật <i>Critical thinking skills in the fields of law</i>	2	30		X		30
2	1010513	Kinh tế học <i>Economics</i>	3	45		X		45
3	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản <i>Text editing skills</i>	2	30		X		30
4	2310822	Tâm lý học tư pháp <i>Judicial psychology</i>	2	30		X		30
5	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Vietnamese cultural base</i>	2	30			X	30
6	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế <i>International Trade Relation</i>	2	30			X	30
7	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế <i>History of Economic Theories</i>	2	30			X	30
8	2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật <i>History of Political and Legal Doctrines</i>	2	30			X	30
9	1010342	Quản trị học <i>School of Management</i>	2	30			X	30
10	2310042	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ <i>Financial and monetary theory</i>	2	30			X	30
Tổng cộng			15					

2.2.1.5. Tin học (3 Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước
1	1010183	Tin học ứng dụng <i>Applied Computing</i>	3	90	BB		
Tổng cộng			3				

2.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 105 Tín chỉ

2.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 10 Tín chỉ

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước
1	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật <i>General theory of State and law</i>	3	45	BB		
2	2310332	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật <i>Enter the Law course</i>	2	30	BB		
3	2310272	Xã hội học pháp luật <i>Sociological law</i>	2	30	BB		
4	2310103	Luật Hiến pháp <i>Constitutionnal of law</i>	3	45	BB		
Tổng cộng			10				

2.2.2.2. Kiến thức ngành: **38 Tín chỉ**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước
1	2310553	Luật Dân sự 1 <i>Civil Law 1</i>	3	45	BB		
2	2310563	Luật Dân sự 2 <i>Civil Law 2</i>	3	45	BB		
3	2310343	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính <i>Administrative Law and Administrative Procedures</i>	3	45	BB		
4	2310572	Luật Hình sự 1 <i>Criminal Law 1</i>	2	30	BB		
5	2310583	Luật Hình sự 2 <i>Criminal Law 2</i>	3	45	BB		
6	2310623	Luật Thương mại 1 <i>Commercial Law 1</i>	3	45	BB		
7	2310633	Luật Thương mại 2 <i>Commercial Law 1</i>	3	45	BB		
8	2310243	Luật Hôn nhân và Gia đình <i>Marriage and Family Law</i>	3	45	BB		
9	2310133	Luật Lao động <i>Labour law</i>	3	45	BB		
10	2310163	Pháp luật Đất đai <i>Land Law</i>	3	45	BB		

11	2310153	Luật Tố tụng dân sự <i>Law on Civil Procedure</i>	3	45	BB		
12	2310172	Luật Tố tụng Hình sự <i>Law on Criminal Procedure</i>	2	30	BB		
13	2310202	Công pháp quốc tế <i>Public International Law</i>	2	30	BB		
14	2310212	Tư pháp quốc tế <i>Private International Law</i>	2	30	BB		
Tổng cộng			38				

2.2.2.3. Kiến thức chuyên ngành: 36 TC

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước
Chuyên ngành Luật Kinh doanh (3 TC tự chọn)							
1	2390103	Pháp luật về đầu tư <i>Law on Investment</i>	3	45	BB		
2	2311013	Pháp luật về hợp đồng <i>Contract Law</i>	3	45	BB		
3	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Competition and consumer protection law</i>	3	45	BB		
4	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán <i>Law on securities</i>	3	45	BB		
5	2320023	Luật Ngân hàng <i>Banking Law</i>	3	45	BB		
6	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế <i>Law on business finance and law</i>	3	45	BB		
7	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại <i>Law on intellectual property in commercial activities</i>	3	45	BB		
8	2310373	Pháp luật về Trọng tài thương mại và hòa giải thương mại <i>Law on Commercial Arbitration and Commercial Mediation</i>	3	45	BB		
9	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1 <i>Legal English 1</i>	3	45	BB		
10	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2	3	45	BB		

		<i>Legal English 2</i>					
11	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3 <i>Legal English 3</i>	3	45	BB		
12	2311063	Luật Kinh doanh bảo hiểm <i>Law on Insurance business</i>	3	45	TC		
13	2310383	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm <i>Law on notary, authentication and secured transactions</i>	3	45	TC		
14	2310393	Pháp luật An sinh xã hội <i>Law on Social Security</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			36				
Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (3 TC tự chọn)							
1	2320023	Luật Ngân hàng <i>Banking Law</i>	3	45	BB		
2	2311013	Pháp luật về hợp đồng <i>Contract Law</i>	3	45	BB		
3	2320013	Luật Thương mại quốc tế <i>International trade law</i>	3	45	BB		
4	2310683	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế <i>Intellectual Property Rights in International Commercial Activities</i>	3	45	BB		
5	2311303	Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế <i>Law on international commercial arbitration</i>	3	45	BB		
6	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế <i>Law on International services</i>	3	45	BB		
7	2311463	Pháp luật về đấu thầu <i>Law on bidding</i>	3	45	BB		
8	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Competition and consumer protection law</i>	3	45	BB		
9	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1 <i>Legal English 1</i>	3	45	BB		
10	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2 <i>Legal English 2</i>	3	45	BB		

11	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3 <i>Legal English 3</i>	3	45	BB		
12	2311322	Pháp luật về Thanh toán quốc tế <i>Law on International Payment</i>	3	45	TC		
13	2311023	Pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới <i>Law on import and export across borders</i>	3	45	TC		
14	2310283	Luật so sánh <i>Comparative Law</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			36				
Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng (3 TC tự chọn)							
1	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại <i>Law on Intellectual Property in commercial activities</i>	3	45	BB		
2	2311013	Pháp luật về hợp đồng <i>Contract Law</i>	3	45	BB		
3	2311243	Pháp luật về Thi hành án dân sự <i>Law on registration of secured transactions</i>	3	45	BB		
4	2310373	Pháp luật về Trọng tài thương mại và hòa giải thương mại <i>Law on Commercial Arbitration and Commercial Mediation</i>	3	45	BB		
5	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán <i>Law on securities</i>	3	45	BB		
6	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế <i>Law on business finance and law</i>	3	45	BB		
7	2320023	Luật Ngân hàng <i>Banking Law</i>	3	45	BB		
8	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Competition and consumer protection law</i>	3	45	BB		
9	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1 <i>Legal English 1</i>	3	45	BB		
10	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2 <i>Legal English 2</i>	3	45	BB		

11	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3 <i>Legal English 3</i>	3	45	BB		
12	2390103	Pháp Luật về Đầu tư <i>Law on Investment</i>	3	45	TC		
13	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Management of commercial banks</i>	3	45	TC		
14	2310393	Pháp Luật An sinh xã hội <i>Law on Social Security</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			36				

2.2.2.4. Kiến thức bổ trợ: **12 Tín chỉ** (3TC tự chọn)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước
Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Kinh doanh (3 TC tự chọn)							
1	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật <i>Legal practice skills</i>	3	45	BB		
2	2310723	Pháp luật môi trường <i>Environmental Law In Business</i>	3	45	BB		
3	2320013	Luật Thương mại quốc tế <i>International Trade Law</i>	3	45	BB		
4	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp <i>Corporate legal and corporate legal skills</i>	3	45	TC		
5	2310743	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại <i>Law on governmental administration in commercial activities</i>	3	45	TC		
6	2311383	Pháp luật về quản trị nhân sự <i>Law on corporate finance</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			12				
Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (3 TC tự chọn)							
1	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật <i>Legal practice skills</i>	3	45	BB		
2	2311313	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ <i>Case study and analysis skills</i>	3	45	BB		
3	2310393	Pháp Luật An sinh xã hội <i>Law on Social Security</i>	3	45	BB		

4	2390103	Pháp Luật về đầu tư <i>Law on Investment</i>	3	45	TC		
5	2311293	Giải quyết tranh chấp Thương mại quốc tế <i>International Commercial Dispute Resolution</i>	3	45	TC		
6	2310753	Pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế <i>Law on International Commercial Contracts</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			12				
Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng (3 TC tự chọn)							
1	2310763	Pháp luật về Giám sát tài chính <i>Law on financial supervision</i>	3	45	BB		
2	2310773	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng <i>Law on notary, authentication and secured transactions</i>	3	45	BB		
3	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật <i>Legal practice skills</i>	3	45	BB		
4	2311413	Pháp luật về Kế toán <i>Law on Accounting</i>	3	45	TC		
5	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp <i>Corporate legal and corporate legal skills</i>	3	45	TC		
6	2311393	Pháp luật về thương mại điện tử <i>E- Commerce Law</i>	3	45	TC		
Tổng cộng			12				

2.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: 9 TC

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	HP tiên quyết	HP trước
1	2313043	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	3	45	BB		
2	2313026	Khóa luận tốt nghiệp (**) <i>Graduation thesis</i>	6	90	TC		
(**) Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (học 6/18 TC)							

4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		4								2	2
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh		4								2	2
6	1010663	Tiếng Anh tổng quát 1					4				5		2
7	1010673	Tiếng Anh tổng quát 2					4				5		2
8	1010183	Tin học ứng dụng	5									3	2
9	2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật											
10	1010513	Kinh tế học		4							4	2	2
11	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản					4	4			3	3	3
12	2310822	Tâm lý học tư pháp			3			4	4			3	
13	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam		5								3	3
14	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế		4								3	3
15	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế		3								2	2
16	2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật		3								2	2
17	1010342	Quản trị học		4							5	2	2
18	2310042	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ		4							5	2	2
19	1010042	Giáo dục thể chất 1											3
20	1010182	Giáo dục thể chất 2											3
21	1010034	Giáo dục Quốc phòng – An ninh											3

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

II.2.1 Kiến thức cơ sở ngành Luật: 10 TC			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
22	2310053	Lý luận về Nhà nước và pháp luật		4	5									2
23	2310332	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật		2	4				4	4				3
24	2310272	Xã hội học pháp luật				4			5	5			3	2
25	2310103	Luật Hiến pháp		4	5				3				2	3
II.2.2 Kiến thức ngành Luật: 38 TC			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12

26	2310553	Luật Dân sự 1			4				5	3			2
27	2310563	Luật Dân sự 2			4				5	3			2
28	2310343	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính		4	5				3			2	3
29	2310572	Luật Hình sự 1			4				4	3			4
30	2310583	Luật Hình sự 2			4				4	3			4
31	2310623	Luật Thương mại 1				5				4	4		5
32	2310633	Luật Thương mại 2				5				4	4		5
33	2310243	Luật Hôn nhân và Gia đình				4			5	3		2	2
34	2310133	Luật Lao động				4			5	5		3	2
35	2310163	Pháp luật Đất đai				4			5	5		3	2
36	2310153	Luật Tổ tụng Dân sự			4				5	3		2	2
37	2310172	Luật Tổ tụng Hình sự			4				1	3		4	4
38	2310202	Công pháp Quốc tế				4			4	4		3	3
39	2310212	Tư pháp Quốc tế				5			4	4		3	3

II.2.3 Kiến thức chuyên ngành Luật: 38 TC

Chuyên ngành Luật Kinh doanh			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
40	2390103	Pháp luật về đầu tư				5	5			5			4	5
41	2311013	Pháp luật về hợp đồng				4			5	5			3	2
42	2310353	Pháp luật Tranh tụng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				4			5	5			3	2
43	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán					5		4	3	3			4
44	2320023	Luật Ngân hàng			4	4	3			3	3		1	1
45	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế			4	4	3			3	3		1	1
46	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại					5		5	5			4	5
47	2310373	Pháp luật về trọng tài thương mại và hoà giải thương mại				5			5	4			5	5
48	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1				5			5	5			3	3

49	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2				5			5	5			3	3
50	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3				5			5	5			3	3
51	2311063	Luật Kinh doanh bảo hiểm					4				3		2	2
52	2310383	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm					4		3	4				3
53	2310393	Pháp Luật An sinh xã hội		4	4		5			3			2	2
Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
44a	2320023	Luật Ngân hàng			4	4	3			3	3		1	1
45a	2311013	Pháp luật về hợp đồng				4			5	5			3	2
46a	2320013	Luật Thương mại quốc tế				4	5					3		4
47a	2310683	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế							5	5	5			3
48a	2311303	Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế				4			5	5			3	2
49a	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	5	5	4	4	3			2	2		1	
50a	2311463	Pháp luật về đấu thầu						4	5	3	4			3
51a	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				4			5	5			3	2
52a	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1				5			5	5			3	3
53a	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2				5			5	5			3	3
54a	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3				5			5	5			3	3
55a	2311322	Pháp luật về Thanh toán quốc tế				4			5	5			3	2
56a	2311023	Pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới				5				4	4			5
57a	2310283	Luật so sánh			4									3
Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12

44b	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại				4			5	5			3	
45b	2311013	Pháp luật về hợp đồng				4			5	5			3	2
46b	2311243	Pháp luật về Thi hành án dân sự			4				1	3			4	4
47b	2310373	Pháp luật về Trọng tài thương mại và hòa giải thương mại				4			5	5			3	2
48b	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán					5		4	3	3			4
49b	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế			4	4	3			3	3		1	1
50b	2320023	Luật Ngân hàng			4	4	3			3	3		1	1
51b	2310353	Pháp luật Cảnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				4			5	5			3	2
52b	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1				5				5			3	3
53b	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2				5				5			3	3
54b	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3				5				5			3	3
55b	2390103	Pháp Luật về Đầu tư				4			5	5			3	2
56b	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại				4			5	5			3	2
57b	2310393	Pháp luật An sinh xã hội		5	5					4				

II.2.4 Kiến thức bổ trợ: 12 TC

Chuyên ngành Luật Kinh doanh			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
58	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật				4		3	5	5			3	3
59	2310723	Pháp luật môi trường	5	5	5	5	3			3	3		1	
60	2320013	Luật Thương mại quốc tế				4	5					3		4
61	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp				5				4	4			5
62	2310743	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại					3		3	4				4

63	2311383	Pháp luật về Quản trị nhân sự				4			5	5			3	2
Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
58a	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật				4		3	5	5			3	3
59a	2311313	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ					4		3	4	3			3
60a	2310393	Pháp luật An sinh xã hội		5	5					4				
61a	2390103	Pháp Luật về đầu tư				4			5	5			3	2
62a	2311293	Giải quyết tranh chấp Thương mại quốc tế				4			5	5			3	2
63a	2310753	Pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế				4			5	5			3	2
Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
58b	2310763	Pháp luật về Giám sát tài chính				4			5	5			3	2
59b	2310773	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng					4		3	4				3
60b	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật				4		3	5	5			3	3
61b	2311413	Pháp luật về Kế toán												
62b	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp				5				4	4			5
63b	2311393	Pháp luật về thương mại điện tử						3	4		4			2
II.2.4 Tốt nghiệp: 9 TC			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
64	2313043	Thực tập tốt nghiệp		4		5	5						5	5
65	2313026	Khóa luận tốt nghiệp		4		5	5						5	5
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế</i>														
Chuyên ngành Luật Kinh doanh			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
66	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo				4			5	5			3	2

		hợp đồng thương mại												
67	2311483	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại			5	5				4	4			4
68	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự			5	5				4	4		4	4
69	2311503	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động				4			5	5			3	2
70	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh				4	3			4			3	3
71	2311523	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại			3	4			5	5			3	2
Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
66a	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại			5	5				4	4		4	5
67a	2311543	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách			4	3		4		5			3	4
68a	2310833	Luật Hàng hải quốc tế			2			3	3	3		3	3	3
69a	2311563	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam		3		3				4		5	2	4
70a	2311573	Pháp luật về cộng đồng Asean			4	4	3			3	3		1	1
71a	2311583	Pháp luật về Liên minh Châu Âu			4	4	3			3	3		1	1
Chuyên ngành Tài chính ngân hàng			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
66b	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại				4			5	5			3	2
67b	2310783	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại			5	5				4	4			4
68b	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong TTDS			5	5				4	4		4	4

69b	2310803	Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài				5				4	4			5
70b	2310813	Kỹ năng xử lý vụ việc cạnh tranh				4	3			4			3	3
71b	2313113	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế			4	4	3			3	3		1	1

*****CTĐT có tham khảo các trường như:
Mục tiêu của chương trình đào tạo**

LUẬT KINH TẾ - HUFLIT	LUẬT KINH TẾ - ĐH MỞ TP.HCM
<p>Chương trình ngành luật kinh tế đào tạo bậc cử nhân đại học có kiến thức nền tảng về ngành luật nói chung, đồng thời có kiến thức chuyên ngành về pháp luật trong lĩnh vực thương mại; có khả năng ứng dụng những quy định của pháp luật thương mại trong thực tiễn và có kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh) vững vàng để có thể làm việc trong môi trường thường xuyên sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tự hành nghề liên quan đến pháp luật hoặc làm quản lý hoạt động kinh doanh ở các cơ quan quản lý nhà nước.</p>	<p>Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo cử nhân Luật Kinh tế:</p> <p>-Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước; có sức khỏe tốt; có những kỹ năng làm việc tốt; có kiến thức về pháp luật, thực tiễn hoạt động pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước;</p> <p>Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng tự học nâng cao trình độ, tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;</p> <p>-Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có thể làm việc ở các cơ quan nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý, doanh nghiệp, hay các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy.</p>
	LUẬT KINH DOANH – ĐH QUỐC GIA HÀ NỘI
	Trang bị cho người học những kiến thức kinh tế cơ bản; những kiến thức pháp lý nền tảng và tư duy pháp

	lí mang tính hệ thống; những kiến thức chuyên sâu về môi trường pháp lý kinh doanh trong và ngoài nước và đạo đức kinh doanh. Giúp người học đạt được một số kỹ năng pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn
	LUẬT KINH TẾ - ĐH LUẬT HÀ NỘI
	Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân Luật kinh tế có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Đôi sánh mục tiêu cụ thể CTĐT ngành Luật kinh tế - HUFLIT với ngành Luật kinh tế Trường Đại học Mở và Đại học Quốc gia Hà Nội:

LUẬT KINH TẾ - HUFLIT	LUẬT KINH TẾ - ĐH MỞ TP.HCM
<ul style="list-style-type: none"> Kiến thức PO1: Có những kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, đặc biệt là những kiến	<ul style="list-style-type: none"> Kiến thức -Có kiến thức chung, căn bản thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, có kiến thức

thức nền tảng trong lĩnh vực kinh tế làm cơ sở để sinh viên học tập suốt đời.

PO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội, những kiến thức pháp luật nền tảng trong chuyên ngành kinh tế, thương mại, những kiến thức về thủ tục giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội để sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh.

PO3: Có kiến thức chuyên ngành tốt để làm việc và học tập nâng cao

- **Kỹ năng**

PO4: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy pháp lý của luật gia, kỹ năng nghiệp vụ tố tụng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, kỹ năng tư vấn pháp lý trong kinh doanh. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng theo yêu cầu của doanh nghiệp.

PO5: Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin tốt

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

PO6: Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức. Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập, có khả năng tự tạo việc làm

cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn;

-Có sự hiểu biết rộng và vững về cơ sở ngành Luật, có kiến thức nền tảng về luật nội dung các lĩnh vực pháp luật chung như Hiến pháp, luật hành chính, hình sự, dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai ... và pháp luật về tố tụng, đồng thời chuyên sâu hơn trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như luật sở hữu trí tuệ, luật cạnh tranh, luật thuế, luật bảo hiểm, luật đầu tư, chứng khoán... để vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý trong công việc và cuộc sống.

Bên cạnh đó chương trình cũng cung cấp những kiến thức cơ bản và phù hợp về kinh tế, kế toán, tài chính doanh nghiệp để bổ trợ thêm kiến thức cho người học.

- **Kỹ năng**

-Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức pháp luật trong công việc và trong đời sống;

-Được trang bị những kỹ năng nghiên cứu, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến hoạt động pháp lý; nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong suốt quá trình làm việc;

-Được trang bị những kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ

<p>phù hợp với chuẩn mực xã hội. Luôn có ý thức phát triển khả năng chuyên môn, nhạy bén và linh hoạt trong các hoàn cảnh; có ý thức cải tiến, nâng cao chất lượng cuộc sống; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.</p> <p>PO7: Có đạo đức nghề nghiệp, tự tin, chủ động, tác phong làm việc chuyên nghiệp</p>	<p>năng thương lượng – đàm phán, kỹ năng tư duy pháp lý</p> <p>Có thể sử dụng tốt tiếng Anh phục vụ cho công việc;</p> <p>Có thể sử dụng tốt các phần mềm vi tính văn phòng;</p> <p>-Được rèn luyện và trau dồi kỹ năng tự học phục vụ cho nhu cầu cập nhật kiến thức đáp ứng yêu cầu công tác và có thể học lên các bậc học cao hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thái độ <p>-Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;</p> <p>-Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>-Có thái độ tốt và việc làm ủng hộ và bảo vệ sự công bằng; cảm nhận và kiến tạo công lý; tôn trọng pháp luật trong đời sống và công việc hằng ngày;</p> <p>-Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;</p> <p>-Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác;</p> <p>-Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội;</p>
	<p>LUẬT KINH DOANH – ĐH QUỐC GIA HÀ NỘI</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Về kiến thức <p>-Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp</p>

hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật.

-Vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

-Vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận- lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội-nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

-Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế...trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

-Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

-Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

-Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ

công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

-Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

- **Về kỹ năng**

- ✓ ***Kỹ năng cứng***

-Bước đầu có kỹ năng trong đàm phán, giao kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận kinh doanh - thương mại;

-Có kỹ năng cơ bản trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh – thương mại;

-Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật kinh doanh (công ty, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, kiểm toán, chứng khoán, tài chính, tài nguyên, môi trường, sở hữu trí tuệ...) một cách độc lập;

-Có kỹ năng cơ bản trong thành lập và quản trị doanh nghiệp;

-Bước đầu có khả năng nhận biết và sử dụng các công cụ, phương pháp thích hợp để quản lý rủi ro trong kinh doanh;

-Có kỹ năng tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh doanh vào thực tiễn;

- ✓ ***Kỹ năng mềm***

	<p>-Có kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;</p> <p>-Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình tốt;</p> <p>-Có kỹ năng giải quyết công việc một cách logic và sáng tạo;</p> <p>-Có khả năng thích ứng nhanh với thay đổi của thực tiễn;</p> <p>-Bước đầu có khả năng phản biện xã hội;</p> <p>-Giao tiếp được bằng ít nhất một ngoại ngữ thông dụng</p> <p>-Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Về phẩm chất đạo đức <p>-Có ý thức tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân; tôn trọng pháp luật.</p> <p>-Có hành vi và lời nói chuẩn mực, kiên định và trung thực, thẳng thắn trong cuộc sống và công việc; tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; biết lắng nghe và phản biện.</p> <p>-Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức bảo vệ công lí, bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội;</p>
--	---

	<p>-Có ý thức vượt khó, tinh thần cầu thị trong học tập và lao động;</p> <p>-Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; chuyên nghiệp và chủ động trong công việc;</p> <p>-Có thái độ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác.</p>
--	---

Kết luận:

- 1) Các mục tiêu cụ thể của ngành Luật Kinh tế - HUFLIT so với Đại học Luật Hà Nội; Đại học Quốc Hà Nội và Đại học Mở Tp.HCM tương đối giống nhau
- 2) Ngành Luật kinh tế - HUFLIT đã điều chỉnh tên gọi “thái độ” thành “yêu cầu về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm”
- 3) Phát biểu mục tiêu cụ thể ngành Luật Kinh tế - HUFLIT ngắn gọn, súc tích

Đối sánh cơ cấu CTĐT ngành Luật Kinh tế - HUFLIT với Trường Đại học Mở TP.HCM, Đại học Quốc Gia Hà Nội và Đại học Luật Hà Nội:

CTĐT ngành Luật Kinh tế Trường Đại học Mở TP. HCM

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Môn học trước
			TC	LT	TH	
	<i>Philosophy (Part 1)</i>					
2.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2) <i>Principle of Marxist-Leninist Philosophy (Part 2)</i>	POLI2302	3	3		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	POLI2201	2	2		
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	POLI2301	3	3		
6.1.2. Khoa học xã hội¹ Chọn 1 trong 3 môn sau:			2	2		
5.	Tâm lý học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	SOCI1201	2	2		
6.	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	SOCI1301	3	3		
7.	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	BADM1301	3	3		
6.1.3. Ngoại ngữ			14	14		
8.	Tiếng Anh nâng cao 1 <i>Pre-Intermediate English 1</i>	GENG0405	4	4		
9.	Tiếng Anh nâng cao 2 <i>Pre-Intermediate English 2</i>	GENG0406	4	4		
10.	Tiếng Anh nâng cao 3 <i>Intermediate English 3</i>	GENG0307	3	3		
11.	Tiếng Anh nâng cao 4 <i>Intermediate English 4</i>	GENG0308	3	3		
6.1.4. Toán - Tin học – Khoa học tự nhiên			4	4		
12.	Tin học đại cương <i>Basic IT Skills</i>	COMP0401	4	4		
6.1.5. Giáo dục Thể chất			3		3	
13.	GDTC1-Thể dục Phát triển chung <i>Physical Education 1-General developmental fitness</i>	PEDU0201	1.5		1.5	
	<i>Chọn 1 trong các môn sau</i>					
	GDTC2 - Bóng chuyền	PEDU0202	1.5		1.5	

¹ Mục 6.1.2 quy định 02 tín chỉ là quy định tối thiểu, sinh viên có thể chọn 03 tín chỉ.

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Môn học trước
			TC	LT	TH	
	<i>(Constitutional Law)</i>					PL
23.	Luật hành chính <i>(Administrative Law)</i>	BLAW2302	3	3		Luật hiến pháp
24.	Luật hình sự <i>(Criminal Law)</i>	BLAW2305	3	3		Luật hiến pháp
25.	Luật dân sự 1 <i>(Civil Law 1)</i>	BLAW2304	3	3		Luật hiến pháp
26.	Luật dân sự 2 <i>(Civil Law 2)</i>	BLAW2306	3	3		Luật dân sự 1
27.	Luật hôn nhân và gia đình <i>(Marriage and Family Law)</i>	BLAW1203	2	2		Luật hành chính, Luật dân sự 1, 2
28.	Luật tố tụng hình sự <i>(Criminal Procedure Law)</i>	BLAW1204	2	2		Luật Hình sự
29.	Luật tố tụng dân sự <i>(Civil Procedure Law)</i>	BLAW3302	3	3		Luật dân sự 1, 2
30.	Công pháp quốc tế <i>(Public International Law)</i>	BLAW3301	3	3		Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự 1
31.	Tư pháp quốc tế <i>(Private International Law)</i>	BLAW3305	3	3		Công pháp quốc tế, Luật dân sự 1, 2, Luật HN&GD, Luật thương mại 1, 2, 3, Luật lao động, Luật sở hữu trí tuệ
6.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành			34	34		
Bắt buộc			30	30		
32.	Luật thương mại 1 (<i>Pháp luật về các loại hình thương nhân</i>) <i>Law on Business Organisations</i>	BLAW1303	3	3		Luật dân sự 1
33.	Luật thương mại 2 (<i>Pháp luật về hoạt động thương mại</i>) <i>Law on Business Activities</i>	BLAW3308	3	3		Luật dân sự 2, luật thương mại 1
34.	Luật thương mại 3 (<i>Phá sản và giải quyết tranh chấp</i>) <i>Law on Bankruptcy and Dispute</i>	BLAW2202	2	2		Luật dân sự 1,2 Luật thương mại 1,2

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Môn học trước
			TC	LT	TH	
	Settlement					
35.	Luật lao động (Labour Law)	BLAW2303	3	3		Luật dân sự 1, 2; Luật thương mại 1,2,3
36.	Luật đất đai (Land Law)	BLAW3304	3	3		Luật hành chính, luật dân sự 1,2
37.	Luật tài chính (State Budget Law)	BLAW1205	2	2		Luật Hiến pháp, Luật hành chính
38.	Pháp luật về thuế (Tax Law)	BLAW4308	3	3		Luật Hành chính, Luật dân sự 1, Luật thương mại 1
39.	Luật ngân hàng (Banking Law)	BLAW2203	2	2		Luật hành chính, Luật dân sự 1, 2, luật thương mại 1
40.	Luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)	BLAW4301	3	3		Luật dân sự 1, 2, Luật thương mại 1,2,3; Tư pháp quốc tế (hoặc học song song với Tư pháp quốc tế)
41.	Luật sở hữu trí tuệ (Law on Intellectual Property)	BLAW4304	3	3		Luật dân sự 1,2; Luật thương mại 1
42.	Luật cạnh tranh (Competition Law)	BLAW4302	3	3		Luật hành chính, Luật thương mại 1,2; Luật sở hữu trí tuệ
	Tự chọn: Chọn tối thiểu 4 tín chỉ trong các môn học sau:		4	4		
43.	Luật môi trường (Environmental Law)	BLAW4207	2	2		Luật hành chính, Luật dân sự 1, Luật thương mại 1
44.	Luật đầu tư (Investment Law)	BLAW4206	2	2		Luật hành chính, Luật dân sự 1, Luật thương mại 1, 3

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Môn học trước
			TC	LT	TH	
45.	Luật kinh doanh bảo hiểm (Law on Insurance Business)	BLAW4205	2	2		Luật dân sự 1, 2 Luật thương mại 1, 2
46.	Luật kinh doanh bất động sản (Law on Real Estate Business)	BLAW3201	2	2		Luật đất đai, luật dân sự 1,2; Luật thương mại 1,2
47.	Pháp luật về xuất nhập khẩu (Import & Export Law)	BLAW4202	2	2		Luật hành chính, luật dân sự 1, 2, luật thương mại 1, 2
48.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Law on Securities and Stock Exchanges)	BLAW3202	2	2		Luật hành chính, luật dân sự 1,2; Luật thương mại 1,2
49.	Kỹ thuật (Kỹ năng) đàm phán và soạn thảo hợp đồng (Skills for Negotiation and Drafting Contracts)	BLAW4208	2	2		Luật dân sự 1,2, Luật thương mại 1,2,3
	6.2.3. Kiến thức bổ trợ		6	6		
	Bắt buộc		3	3		
50.	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	ACCO2301	3	3		
	Tự chọn: Chọn tối thiểu 3 tín chỉ trong các môn học sau:		3	3		
51.	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)	FINA3319	3	3		
52.	Tài chính quốc tế (International Finance)	FINA3301	3	3		
53.	Kế toán doanh nghiệp 1 (Financial Accounting 1)	ACCO2402	4	4		
54.	Kiểm toán 1 (Auditing 1)	ACCO3302	3	3		
55.	Thanh toán quốc tế (International Payment)	FINA3302	3	3		
56.	Quản trị nhân lực (Human Resource Management)	BADM2303	3	3		
	6.2.4. Thực tập và làm Khóa luận tốt nghiệp		10	6	4	
57.		BLAW4899	4		4	

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Môn học trước
			TC	LT	TH	
	Thực tập tốt nghiệp (Internship)					
58.	Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis), hoặc thay thế bởi 6 tín chỉ từ những môn chuyên ngành tự chọn hoặc bổ trợ tự chọn.	BLAW4699	6	6		
Tổng cộng			126	122	4	

Ghi chú:

- TC: Tổng cộng; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành;
- Sinh viên ngành Luật Kinh tế được phép học các môn có cùng tên môn học trong chương trình đào tạo ngành Luật với điều kiện: Môn học phải có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của môn học trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.

7. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			15	15		
1	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
2	Chọn 1 trong 2 môn		2	2		
	2.1 Tư duy phân biện	BLAW1206	2	2		
	2.2 Logic học	ACCO1201	2	2		
3	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	3		
4	Những NLCB của CN Mác - Lê nin (P1)	POLI1201	2	2		
5	Tiếng Anh nâng cao 1 (K2015)	GENG0405	4	4		
HỌC KỲ 2			15	15		
1	Những NLCB của CN Mác - Lê nin (P2)	POLI2302	3	3		
2	Kinh tế vi mô 1	ECON1301	3	3		
3	Chọn 1 trong 3 môn		2	2		
	3.1 Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	3		
	3.2 Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2		
	3.3 Quản trị học	BADM1301	3	3		
4	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	3		
5	Tiếng Anh nâng cao 2 (K2015)	GENG0406	4	4		
6	Giáo dục thể chất					
7	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801	8		8	

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh doanh – Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khởi kiến thức chung (không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
	FLF1105	Tiếng Anh A1					
	FLF1205	Tiếng Nga A1					
	FLF1305	Tiếng Pháp A1					
	FLF1405	Tiếng Trung A1					
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	
	FLF1106	Tiếng Anh A2					FLF1105
	FLF1206	Tiếng Nga A2					FLF1205
	FLF1306	Tiếng Pháp A2					FLF1305
	FLF1406	Tiếng Trung A2					FLF1405
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	
	FLF1107	Tiếng Anh B1					FLF1106
	FLF1207	Tiếng Nga B1					FLF1206
	FLF1307	Tiếng Pháp B1					FLF1306
	FLF1407	Tiếng Trung B1					FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng –an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
II		Khởi kiến thức chung theo lĩnh vực	6				
II.1		Bắt buộc	2				
12	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
II.2		Tự chọn	4/19				
13	BSA20	Quản trị học	3	24	18	3	

5

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
15	PSY1050	Tâm lý học đại cương	2	24	6		
16	POL1052	Chính trị học đại cương	3	32	9	4	
17	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
18	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	32	9	4	
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
III		Khởi kiến thức chung của khối ngành	16				
III.1		Bắt buộc	14				
21	THL1054	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	27	12	6	
22	THL1058	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	24	15	6	
23	CAL1007	Luật hiến pháp	3	36		9	
24	CAL1008	Luật hành chính	3	30	6	9	
25	PEC1054	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24	6		
III.2		Tự chọn	2/6				
26	THL1053	Luật học so sánh	2	24		6	
27	BSA2051	Tài chính doanh nghiệp	2	16	12	2	
28	BSA2021	Nguyên lý quản trị kinh doanh	2	18	12		
IV		Khởi kiến thức chung của nhóm ngành	59				
IV.1		Bắt buộc	55				
29	INE2050	Kinh tế vi mô	3	30	12	3	
30	INE2051	Kinh tế vĩ mô	3	30	12	3	INE2050
31	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
32	CIL2002	Luật dân sự 1	2	26		4	CAL1007
33	CIL2009	Luật dân sự 2	3	39		6	CIL2002
34	CIL2010	Luật dân sự 3	3	39		6	CIL2002
35	CIL2004	Luật hôn nhân và gia đình	2	26		4	CIL2010
36	CRL1008	Luật hình sự	4	40	8	12	CAL1007
37	CRL2006	Luật tố tụng hình sự	2	18	6	6	CRL1008
38	CIL2007	Luật tố tụng dân sự	2	26		4	CIL2002
39	BSL2001	Luật thương mại 1	3	36		9	CIL2002
40	BSL2002	Luật thương mại 2	3	36		9	CIL2002

6

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
41	BSL1010	Luật tài chính	3	36		9	BSL2001
42	BSL1006	Luật ngân hàng	3	36		9	BSL2001
43	BSL1007	Luật đất đai	3	36		9	CAL1008
44	BSL1008	Luật môi trường	3	36		9	CAL1008
45	BSL2029	Luật lao động	4	48		12	CIL2002
46	INL2004	Công pháp quốc tế	3	20	16	9	CAL1007
47	INL2006	Tư pháp quốc tế	3	20	16	9	CIL2007
IV.2	Tự chọn		4/10				
48	BSA2052	Thanh toán quốc tế	2	18	10	2	
49	BSL2009	Pháp luật an sinh xã hội	2	24		6	BSL2029
50	BSL1009	Pháp luật về thị trường bất động sản	2	24		6	BSL2029
51	BSL3025	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2	24		6	BSL2002
52	CIL2006	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	26		4	CIL2009
V	Khối kiến thức ngành và bổ trợ		14				
V.1	Bắt buộc		10				
53	BSL2023	Quản trị công ty	2	24		6	BSL2002
54	BSL2011	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	24		6	BSL2002
55	BSL2024	Luật môi trường quốc tế	2	24		6	BSL1008
56	BSL2010	Pháp luật về thị trường chứng khoán	2	24		6	BSL2002
57	BSL2008	Luật cạnh tranh	2	26		4	BSL2001
V.2	Tự chọn		4/14				
58	BSL2026	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	18	6	6	BSL2002
59	BSL2025	Kỹ năng tư vấn tài chính kế toán	2	18	6	6	BSL1010
60	BSL3045	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2	18	6	6	BSL2029
61	BSL2030	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	2	18	6	6	BSL1006
62	BSL2027	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	18	6	6	BSL1007
63	BSL2028	Pháp luật về đánh giá tác động môi trường	2	24		6	BSL1008
64	BSL3040	Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi	2	24		6	BSL1006
VI	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp		9				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
65	FOL4001	Niên luận -Thực tập, thực tế	3				
66	FOL4055	Khóa luận hoặc môn học thay thế tốt nghiệp (Chọn trong khối kiến thức tự chọn của khối kiến thức M3; M4; M5 những môn sinh viên chưa học)	6				
		Tổng cộng	131				

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội

BỘ TƯ PHÁP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2748/QĐ-ĐHLHN ngày 17/11/2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

PHẦN MỘT

MỤC TIÊU, THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: **4 năm**

2. Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khoá học: **126 tín chỉ** (chưa tính phần nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất)

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **25 tín chỉ** (19 tín chỉ bắt buộc và 06 tín chỉ tự chọn);

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **91 tín chỉ** (60 tín chỉ bắt buộc và 31 tín chỉ tự chọn);

- Hoàn thành khoá luận hoặc chọn học và thi các môn học khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **10 tín chỉ**.

PHẦN HAI

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. NỘI DUNG TỔNG THỂ

I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: **25 tín chỉ** (chưa tính giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất).

I.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG: **19 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	ĐCBB01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2.	ĐCBB02	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3.	ĐCBB03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4.	ĐCBB04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
5.	ĐCBB05	Ngoại ngữ học phần 1 (chọn 1 trong các tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật)	3	
6.	ĐCBB06	Ngoại ngữ học phần 2 (trên cơ sở ngoại ngữ đã chọn ở học phần 1)	4	
7.	ĐCBB07	Tin học	2	

1.2. PHẦN TỰ CHỌN: **6 tín chỉ**, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, cơ sở khối ngành (*).

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	ĐCTC01	Khoa học quản lý kinh tế	3	
2.	ĐCTC02	Quản trị doanh nghiệp	3	
3.	ĐCTC03	Tài chính học	3	
4.	ĐCTC04	Nguyên lý kế toán	2	
5.	ĐCTC05	Xã hội học pháp luật *	2	
6.	ĐCTC06	Văn hoá kinh doanh *	2	
7.	ĐCTC07	Tâm lý học đại cương *	3	
8.	ĐCTC08	Logic học *	2	

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 91 tín chỉ

2.1. PHẦN BẮT BUỘC: **60 tín chỉ**, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (*) và kiến thức ngành.

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	LKT.BB01	Kinh tế vĩ mô *	3	
2.	LKT.BB02	Kinh tế vi mô *	3	
3.	LKT.BB03	Lý luận nhà nước và pháp luật *	5	
4.	LKT.BB04	Luật hiến pháp Việt Nam *	4	
5.	LKT.BB05	Luật hành chính Việt Nam *	4	LKT.BB03
6.	LKT.BB06	Luật dân sự Việt Nam 1*	3	LKT.BB03
7.	LKT.BB07	Luật dân sự Việt Nam 2 *	3	LKT.BB06
8.	LKT.BB08	Luật tố tụng dân sự Việt Nam	3	LKT.BB07
9.	LKT.BB09	Luật thương mại Việt Nam 1	3	LKT.BB07

59

10.	LKT.BB10	Luật thương mại Việt Nam 2	3	LKT.BB09
11.	LKT.BB11	Luật lao động Việt Nam 1	3	LKT.BB06
12.	LKT.BB12	Luật lao động Việt Nam 2	2	LKT.BB11
13.	LKT.BB13	Luật tài chính Việt Nam	3	LKT.BB06
14.	LKT.BB14	Luật ngân hàng Việt Nam	3	LKT.BB06
15.	LKT.BB15	Luật đất đai Việt Nam	3	LKT.BB06
16.	LKT.BB16	Luật môi trường	3	LKT.BB05
17.	LKT.BB17	Luật cạnh tranh	3	LKT.BB07
18.	LKT.BB18	Luật an sinh xã hội	3	LKT.BB11
19.	LKT.BB19	Luật sở hữu trí tuệ	3	LKT.BB06

2.2. PHẦN TỰ CHỌN: **31 tín chỉ**, gồm các môn học thuộc khối kiến thức: cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng.

2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành (*) và kiến thức ngành: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	CNTC01	Kinh tế học pháp luật *	3	LKT.BB03
2.	CNTC02	Luật học so sánh *	3	LKT.BB03
3.	CNTC03	Xây dựng văn bản pháp luật	2	LKT.BB05
4.	CNTC04	Công pháp quốc tế	4	LKT.BB01
5.	CNTC05	Tư pháp quốc tế	4	LKT.BB07
6.	CNTC06	Luật hình sự Việt Nam 1	3	LKT.BB03
7.	CNTC07	Luật hình sự Việt Nam 2	3	LKT.BB03
8.	CNTC08	Luật hôn nhân và gia đình	2	LKT.BB07
9.	CNTC09	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	LKT.BB03
10.	CNTC10	Luật thi hành án dân sự	3	LKT.BB08

60

2.2.2. Kiến thức chuyên ngành và các môn kỹ năng: 25 tín chỉ

2.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	CNTC11	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thương mại	2	LKT.BB10
2.	CNTC12	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	2	LKT.BB10
3.	CNTC13	Luật đầu tư	2	LKT.BB09
4.	CNTC14	Quản lý tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp	3	LKT.BB19
5.	CNTC15	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	2	LKT.BB07
6.	CNTC16	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	LKT.BB13
7.	CNTC17	Pháp luật về quản trị nhân sự	3	LKT.BB12
8.	CNTC18	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	LKT.BB13
9.	CNTC19	Luật chứng khoán	3	LKT.BB13
10.	CNTC20	Luật môi trường trong kinh doanh	2	LKT.BB16
11.	CNTC21	Pháp luật về thu hồi đất	2	LKT.BB15
12.	CNTC22	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	LKT.BB15
13.	CNTC23	Luật thương mại quốc tế	4	LKT.BB10
14.	CNTC24	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2	LKT.BB10

2.2.2.2. Các môn kỹ năng

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
1.	CNTC25	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	2	LKT.BB10
2.	CNTC26	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	2	LKT.BB10
3.	CNTC27	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	LKT.BB13

4.	CNTC28	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	2	LKT.BB12
5.	CNTC29	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	2	LKT.BB13
6.	CNTC30	Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường	2	LKT.BB16
7.	CNTC31	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai	3	LKT.BB15
8.	CNTC32	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp lao động	2	LKT.BB12

2.3. Viết khoá luận tốt nghiệp; thực tập tại cơ sở; đăng ký học và thi các môn học thay cho khoá luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

2.3.1. Viết khoá luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đạt kết quả học tập theo quy định của Trường: **10 tín chỉ**;

2.3.2. Sinh viên không đủ điều kiện viết hoặc không có nguyện vọng viết khoá luận tốt nghiệp, phải lựa chọn một trong hai cách sau đây:

(i) Đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật Kinh tế và/hoặc các môn học kỹ năng với thời lượng **10 tín chỉ**; hoặc

(ii) Đi thực tập (theo điều kiện và kế hoạch của Trường) được tính thời lượng **4 tín chỉ** và đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật Kinh tế, hoặc các môn học kỹ năng với thời lượng **6 tín chỉ**.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT: Xem trong Đề cương môn học của từng học phần./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Trương Quang Vinh

2.4. Ngôn ngữ giảng dạy các học phần

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Ngôn ngữ giảng dạy	Cấp độ dạy bằng NN
1	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	Tiếng Việt	0
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Tiếng Việt	0
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt	0
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt	0
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng Việt	0
6	1010663	Tiếng Anh tổng quát 1	3	Tiếng Anh	0
7	1010673	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh	0
8	1010183	Tin học ứng dụng	3	Tiếng Việt	0
9	2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật	2	Tiếng Việt	0
10	1010513	Kinh tế học	3	Tiếng Việt	0
11	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Tiếng Việt	0
12	2310822	Tâm lý học tư pháp	2	Tiếng Việt	0
13	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Tiếng Việt	0
14	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	Tiếng Việt	0
15	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Tiếng Việt	0
16	2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật	2	Tiếng Việt	0
17	1010342	Quản trị học	2	Tiếng Việt	0
18	2310042	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	Tiếng Việt	0
19	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	Tiếng Việt	0
20	1010182	Giáo dục thể chất 2	3	Tiếng Việt	0
21	1010034	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	3	Tiếng Việt	0
22	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3	Tiếng Việt	0
23	2310332	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật	2	Tiếng Việt	0
24	2310272	Xã hội học pháp luật	2	Tiếng Việt	0
25	2310103	Luật Hiến pháp	3	Tiếng Việt	0
26	2310553	Luật Dân sự 1	3	Tiếng Việt	0
27	2310563	Luật Dân sự 2	3	Tiếng Việt	0
28	2310343	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	3	Tiếng Việt	0
29	2310572	Luật Hình sự 1	2	Tiếng Việt	0
30	2310583	Luật Hình sự 2	3	Tiếng Việt	0
31	2310623	Luật Thương mại 1	3	Tiếng Việt	0
32	2310633	Luật Thương mại 2	3	Tiếng Việt	0

33	2310243	Luật Hôn nhân và Gia đình	3	Tiếng Việt	0
34	2310133	Luật Lao động	3	Tiếng Việt	0
35	2310163	Pháp Luật Đất đai	3	Tiếng Việt	0
36	2310153	Luật Tổ tụng Dân sự	3	Tiếng Việt	0
37	2310172	Luật Tổ tụng Hình sự	2	Tiếng Việt	0
38	2310202	Công pháp Quốc tế	2	Tiếng Việt	0
39	2310212	Tư pháp Quốc tế	2	Tiếng Việt	0
40	2390103	Pháp luật về đầu tư	3	Tiếng Việt	0
41	2311013	Pháp luật về hợp đồng	3	Tiếng Việt	0
42	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	Tiếng Việt	0
43	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	3	Tiếng Việt	0
44	2320023	Luật Ngân hàng	3	Tiếng Việt	0
45	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế	3	Tiếng Việt	0
46	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	3	Tiếng Việt	0
47	2310373	Pháp luật về trọng tài thương mại và hoà giải thương mại	3	Tiếng Việt	0
48	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1	3	Tiếng Anh	5
49	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2	3	Tiếng Anh	5
50	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3	3	Tiếng Anh	5
51	2311063	Luật Kinh doanh bảo hiểm	3	Tiếng Việt	0
52	2310383	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm	3	Tiếng Việt	0
53	2310393	Pháp luật An sinh xã hội	3	Tiếng Việt	0
54	2320013	Luật Thương mại quốc tế	3	Tiếng Việt	0
55	2311303	Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế	3	Tiếng Việt	0
56	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	3	Tiếng Việt	0
57	2311463	Pháp luật về đấu thầu	3	Tiếng Việt	0
58	2311322	Pháp luật về Thanh toán quốc tế	3	Tiếng Việt	0
59	2311023	Pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới	3	Tiếng Việt	0
60	2310283	Luật so sánh	3	Tiếng Việt	0
61	2311243	Pháp luật về Thi hành án dân sự	3	Tiếng Việt	0
62	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Tiếng Việt	0
63	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật	3	Tiếng Việt	0
64	2310723	Pháp luật môi trường	3	Tiếng Việt	0
65	2320013	Luật Thương mại quốc tế	3	Tiếng Việt	0
66	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	3	Tiếng Việt	0

67	2310743	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại	3	Tiếng Việt	0
68	2311383	Pháp luật về Quản trị nhân sự	3	Tiếng Việt	0
69	2311313	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ	3	Tiếng Việt	0
70	2311293	Giải quyết tranh chấp Thương mại quốc tế	3	Tiếng Việt	0
71	2310753	Pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế	3	Tiếng Việt	0
72	2310763	Pháp luật về Giám sát tài chính	3	Tiếng Việt	0
73	2310773	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng	3	Tiếng Việt	0
74	2311413	Pháp luật về Kế toán	3	Tiếng Việt	0
75	2311393	Pháp luật về thương mại điện tử	3	Tiếng Việt	0
76	2313043	Thực tập tốt nghiệp	3	Tiếng Việt	0
77	2313026	Khóa luận tốt nghiệp	6	Tiếng Việt	0
78	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	3	Tiếng Việt	0
79	2311483	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	3	Tiếng Việt	0
80	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	3	Tiếng Việt	0
81	2311503	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động	3	Tiếng Việt	0
82	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	3	Tiếng Việt	0
83	2311523	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	3	Tiếng Việt	0
84	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	3	Tiếng Việt	0
85	2311543	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách	3	Tiếng Việt	0
86	2310833	Luật Hàng hải quốc tế	3	Tiếng Việt	0
87	2311563	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	3	Tiếng Việt	0
88	2311573	Pháp luật về cộng đồng Asean	3	Tiếng Việt	0
89	2311583	Pháp luật về Liên minh Châu Âu	3	Tiếng Việt	0
90	2310803	Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài	3	Tiếng Việt	0
91	2313113	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	3	Tiếng Việt	0

2.5. Hình thức đánh giá cuối kỳ

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Hình thức thi	Thời gian thi (phút)	Ghi chú
1	1010443	Triết học Mác – Lênin		Trắc nghiệm		Đề mở
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		Trắc nghiệm		Đề mở
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Trắc nghiệm		Đề mở
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		Trắc nghiệm		Đề mở
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Trắc nghiệm		Đề mở
6	1010663	Tiếng Anh tổng quát 1		Tự luận	90	Đề đóng
7	1010673	Tiếng Anh tổng quát 2		Tự luận	90	Đề đóng
8	1010183	Tin học ứng dụng		Thực hành		
9	2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật			60	Đề đóng
10	1010513	Kinh tế học		Tự luận	90	Đề đóng
11	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản		Tự luận	60	Đề đóng
12	2310822	Tâm lý học tư pháp			60	Đề đóng
13	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam		Tự luận	60	
14	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế		Tự luận	60	Đề đóng
15	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế		Tự luận	60	Đề mở
16	2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật		Tự luận	60	Đề mở
17	2310042	Quản trị học		Tự luận	60	Đề mở
18	1010042	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ		Tự luận	60	Đề mở
19	1010182	Giáo dục thể chất 1				
20	1010034	Giáo dục thể chất 2				
21	2310053	Giáo dục Quốc phòng – an ninh				
22	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật		Vấn đáp		
23	2310332	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật		Vấn đáp		
24	2310272	Xã hội học pháp luật		Tự luận	60	Đề mở
25	2310103	Luật Hiến pháp		Vấn đáp		
26	2310553	Luật Dân sự 1		Vấn đáp		
27	2310563	Luật Dân sự 2		Vấn đáp		
28	2310343	Luật Hành chính và Tố tụng hành chính		Vấn đáp		
29	2310572	Luật Hình sự 1		Tự luận	60	Đề mở
30	2310583	Luật Hình sự 2		Tự luận	90	Đề mở

31	2310623	Luật Thương mại 1		Tự luận	90	Đề mở
32	2310633	Luật Thương mại 2		Tự luận	90	Đề mở
33	2310243	Luật Hôn nhân và Gia đình		Vấn đáp		
34		Luật Lao động		Vấn đáp		
35	2310163	Pháp luật Đất đai		Tự luận	90	Đề mở
36	2310153	Luật Tố tụng Dân sự		Tự luận	90	Đề mở
37	2310172	Luật Tố tụng Hình sự		Tự luận	60	Đề mở
38	2310202	Công pháp Quốc tế		Tự luận	60	Đề mở
39	2310212	Tư pháp Quốc tế		Tự luận	60	Đề mở
40	2390103	Pháp luật về đầu tư		Tự luận	90	Đề mở
41	2311013	Pháp luật về hợp đồng		Tự luận	90	Đề mở
42	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		Tự luận	90	Đề mở
43	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán		Tự luận	90	Đề mở
44	2320023	Luật Ngân hàng		Tự luận	90	Đề mở
45	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và thuế		Tự luận	90	Đề mở
46	2311213	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại		Tự luận	90	Đề mở
47	2310373	Pháp luật về trọng tài thương mại và hoà giải thương mại		Tự luận	90	Đề mở
48	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1		Tự luận	90	Đề mở
49	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2		Tự luận	90	Đề mở
50	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3		Tự luận	90	Đề mở
51	2311063	Luật Kinh doanh bảo hiểm		Tự luận	90	Đề mở
52	2310383	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm		Tự luận	90	Đề mở
53	2310393	Pháp luật An sinh xã hội		Tự luận	90	Đề mở
54	2320013	Luật Thương mại quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
55	2311303	Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
56	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
57	2311463	Pháp luật về đấu thầu		Tự luận	90	Đề mở
58	2311322	Pháp luật về Thanh toán quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
59	2311023	Pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới		Tự luận	90	Đề mở
60	2310283	Luật so sánh		Tự luận	90	Đề mở

61	2311243	Pháp luật về Thi hành án dân sự		Tự luận	90	Đề mở
62	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại		Tự luận	90	Đề mở
63	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật		Tự luận	90	Đề mở
64	2310723	Pháp luật môi trường		Tự luận	90	Đề mở
65	2320013	Luật Thương mại quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
66	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp		Tự luận	90	Đề mở
67	2310743	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại		Tự luận	90	Đề mở
68	2311383	Pháp luật về Quản trị nhân sự		Tự luận	90	Đề mở
69	2311313	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ		Tự luận	90	Đề mở
70	2311293	Giải quyết tranh chấp Thương mại quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
71	2310753	Pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
72	2310763	Pháp luật về Giám sát tài chính		Tự luận	90	Đề mở
73	2310773	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng		Tự luận	90	Đề mở
74	2311413	Pháp luật về Kế toán		Tự luận	90	Đề mở
75	2311393	Pháp luật về thương mại điện tử		Tự luận	90	Đề mở
76	2313043	Thực tập tốt nghiệp				
77	2313026	Khóa luận tốt nghiệp				
78	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại		Tự luận	90	Đề mở
79	2311483	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại		Tự luận	90	Đề mở
80	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự		Tự luận	90	Đề mở
81	2311503	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động		Tự luận	90	Đề mở
82	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh		Tự luận	90	Đề mở

83	2311523	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại		Tự luận	90	Đề mở
84	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại		Tự luận	90	Đề mở
85	2311543	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách		Tự luận	90	Đề mở
86	2310833	Luật Hàng hải quốc tế		Tự luận	90	Đề mở
87	2311563	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam		Tự luận	90	Đề mở
88	2311573	Pháp luật về cộng đồng Asean		Tự luận	90	Đề mở
89	2311583	Pháp luật về Liên minh Châu Âu		Tự luận	90	Đề mở
90	2310803	Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài		Tự luận	90	Đề mở
91	2313113	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế		Tự luận	90	Đề mở

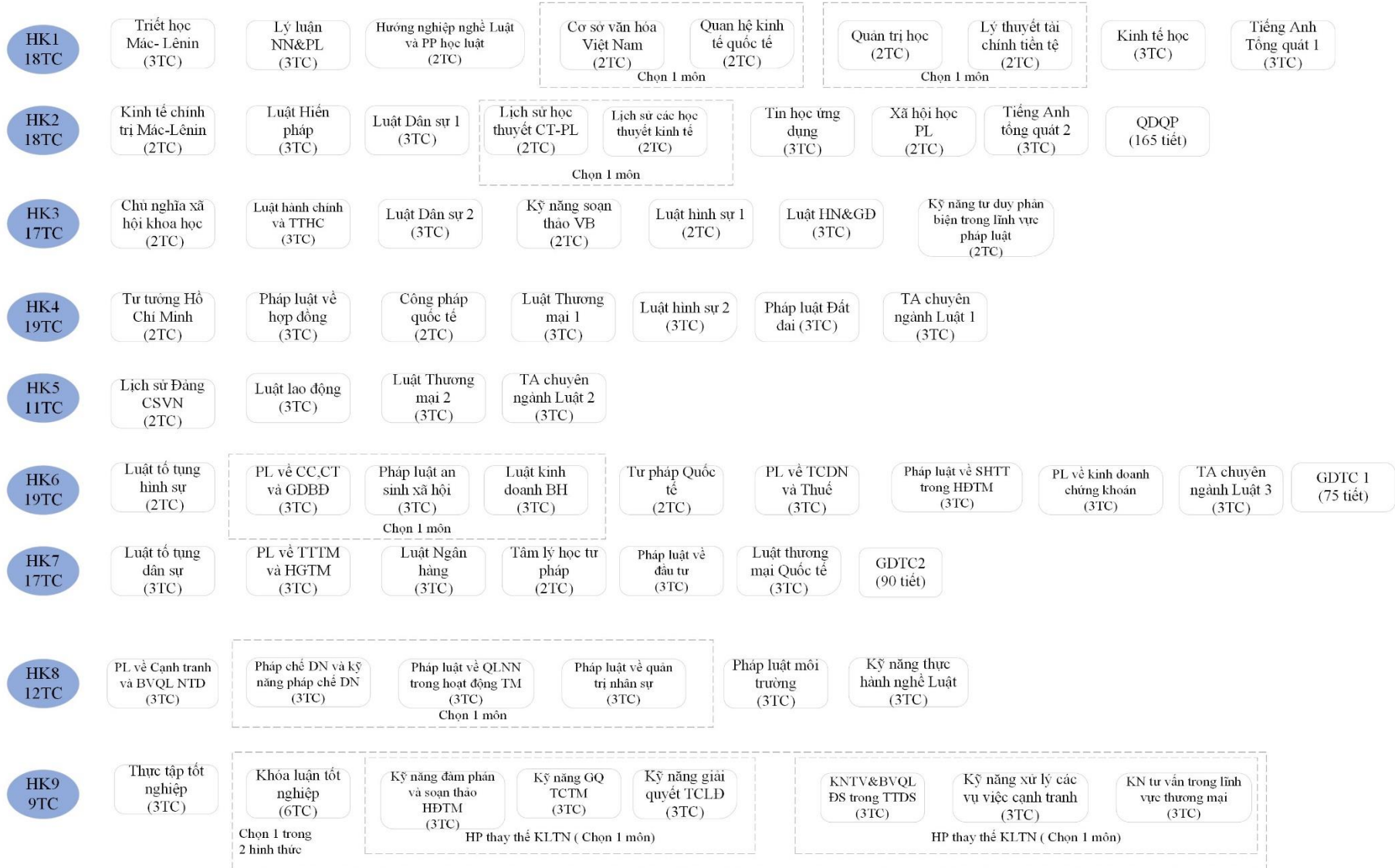
2.6. Sơ đồ - Ma trận

2.6.1 Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

Chuyên ngành Luật Kinh doanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT

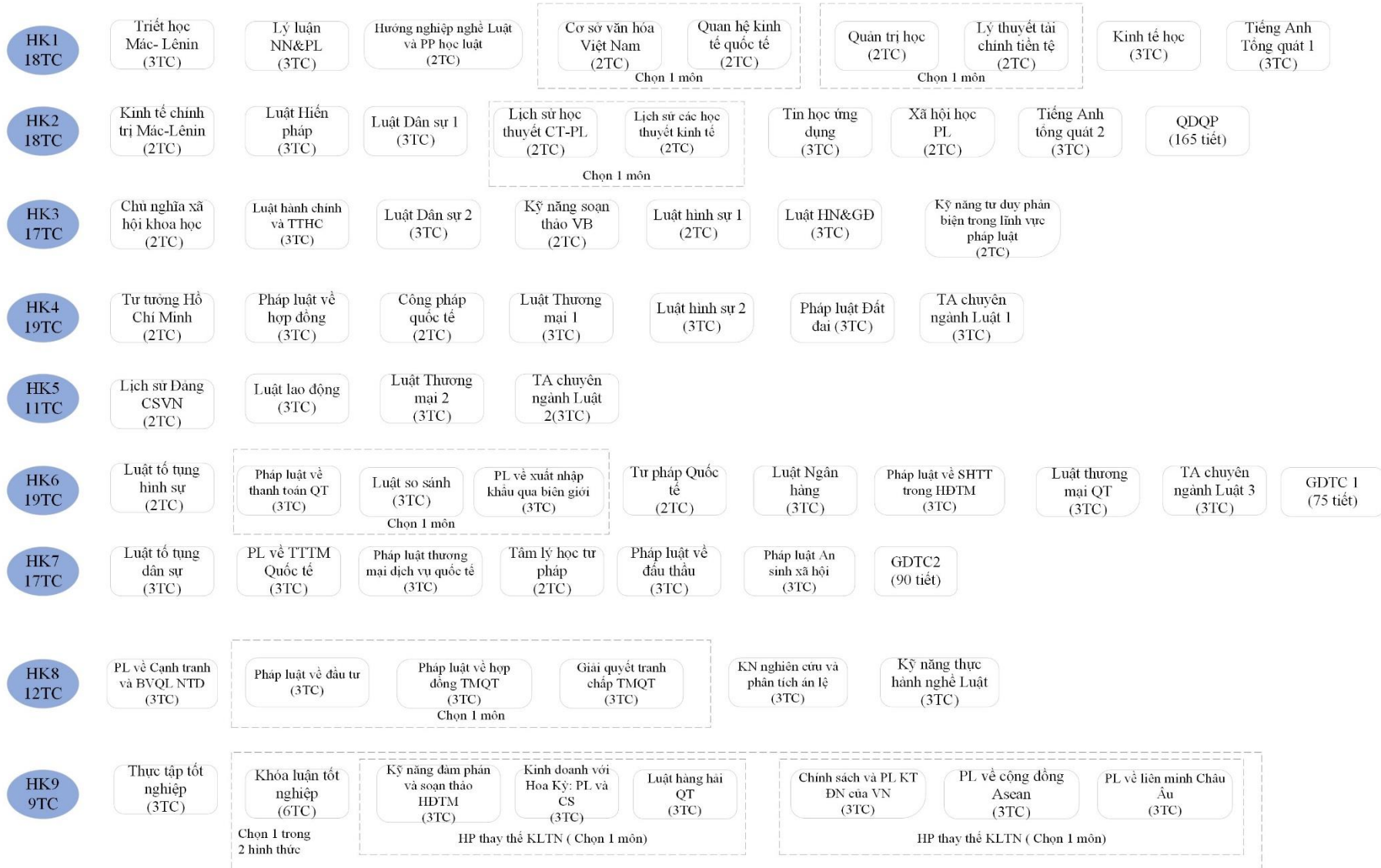
SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ (CN: LUẬT KINH DOANH)
(Áp dụng từ khóa 2023)



Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT

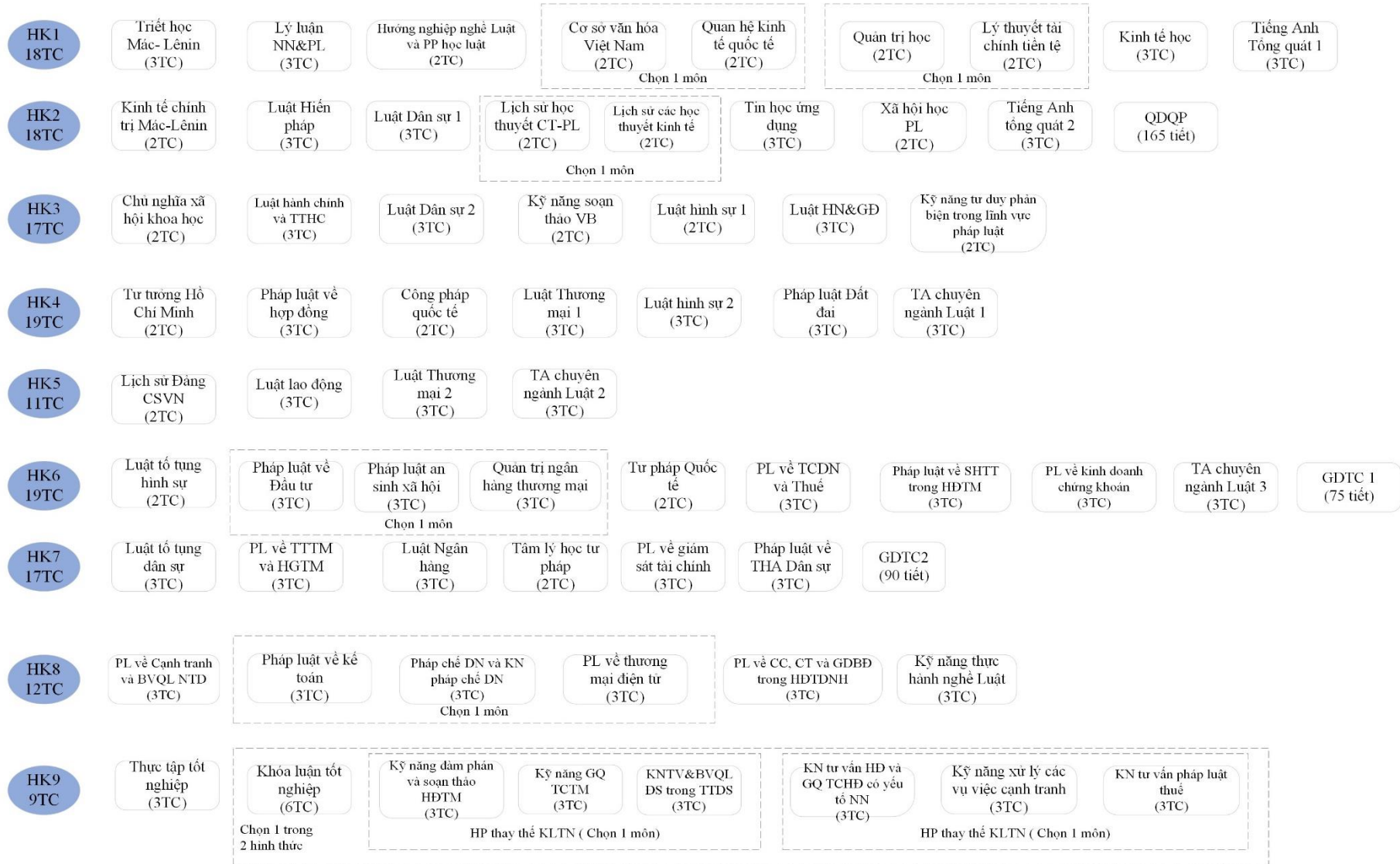
SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ (CN: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ)
(Áp dụng từ khóa 2023)



Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ (CN: LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG)
(Áp dụng từ khóa 2023)



2.7. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
I	1	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0	18
		1010513	Kinh tế học	3	2	1	0	
		2310332	Hướng nghiệp nghề Luật và phương pháp học Luật	2	2	0	0	
		1010663	Tiếng Anh tổng quát 1	3	3	0	0	
		2310053	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	3	3	0	0	
		2310072	Cơ sở văn hoá Việt Nam					
		2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế (Chọn 1 trong 2)	2	2	0	0	
		1010342	Quản trị học					
		2310042	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Chọn 1 trong 2)	2	2	1	0	
	1010513	Kinh tế học	3	2	1	0		
	1010663	Tiếng Anh tổng quát 1	3	1.5	1.5	0		
	2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	0	18
		2310103	Luật Hiến pháp	3	2	1	0	
		2310553	Luật dân sự 1	3	2	1	0	
		2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế					
		2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật	3	2	0	1	
		2310272	Xã hội học pháp luật	2	2	0	0	
		1010183	Tin học ứng dụng	3				
1010673		Tiếng Anh tổng quát 2	3	3	0	0		
1010034		GDQP (165 tiết)						
II	1	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	17
		2310343	Luật Hành chính và tổ tụng hành chính	3	2	1	0	

		2310563	Luật dân sự 2	3	2	1	0	
		2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	1,5	0,5	0	
		2310572	Luật hình sự 1	2	1,5	0,5	0	
		2310243	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	1	0	
		2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật	2	2	0	0	
	2	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	19
		2310653	Tiếng anh chuyên ngành Luật 1	3	2	1	0	
		2310623	Luật thương mại 1	3	2	1	0	
		2311013	Pháp luật về Hợp đồng	3	2	1	0	
		2310583	Luật Hình sự 2	3	2	1	0	
		2310163	Pháp luật đất đai	3	1,5	0,5	0	
		2310202	Công pháp quốc tế	2	2	0	0	
	3	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	11
		2310133	Luật Lao động	3	2	1	0	
		2310633	Luật thương mại 2	3	1,5	1,5	0	
		2310663	Tiếng Anh chuyên ngành luật 2	3	2	1	0	
		Chuyên ngành Luật Kinh doanh						
III	1	2310172	Luật tố tụng hình sự	2	1,5	0,5	0	19
		2310383	Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm	3	1,5	1,5	0	
		2310393						
		2311063	Pháp luật an sinh xã hội	3	1,5	1,5	0	
			Luật kinh doanh bảo hiểm	3	1,5	1,5	0	
			<i>(chọn 1 trong 3 môn)</i>					
		2311213	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	3	1,5	1,5	0	
		2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	3	2	1	0	
2310673	Tiếng Anh chuyên ngành luật 3	3	1	1	0			
2313093	Pháp luật về Tài chính doanh nghiệp và thuế	3	2	1	0			

	2310212	Tư pháp quốc tế	2	1	1	0	
	1010042	GDTC 1 (75 tiết)					
Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng							
1	2310172	Luật tố tụng hình sự	2	1,5	0,5	0	19
	2310393	Pháp luật về đầu tư	3	1,5	1,5	0	
	2390103	Pháp luật an sinh xã hội	3	1,5	1,5	0	
	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại (chọn 1 trong 3 môn)	3	1,5	1,5	0	
	2313093	Pháp luật về Tài chính doanh nghiệp và thuế	3	1,5	1,5	0	
	2311213	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	3	1,5	1,5	0	
	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	3	2	1	0	
	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành luật 3	3	1,5	1,5	0	
	2310212	Tư pháp quốc tế	2	1	1	0	
	1010042	GDTC 1 (75 tiết)					
Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế							
1	2310172	Luật tố tụng hình sự	2	1,5	0,5	0	19
	2311322	Pháp luật về thanh toán quốc tế	3	1,5	1,5	0	
	2310283	Luật so sánh	3	1,5	1,5	0	
	2311023	Pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới	3	1,5	1,5	0	
	2320023	Luật ngân hàng	3	2	1	0	
	2310212	Tư pháp quốc tế	2	1	1	0	
	2320013	Luật Thương mại quốc tế	3	1,5	1,5	0	
	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành luật 3	3	1,5	1,5	0	
	2311283	Quyền SHTT trong hợp đồng TMQT	3	1,5	1,5	0	
	1010042	GDTC 1 (75 tiết)					
Chuyên ngành Luật Kinh doanh							
2	2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	17
	2320023	Luật Ngân hàng	3	2	1	0	

	2310373	Pháp luật về trọng tài thương mại và hòa giải thương mại	3	3	1,5	1,5	
	2310822	Tâm lý học tư pháp	2	1,5	0,5	0	
	2390103	Pháp luật về đầu tư	3	1,5	1,5	0	
	2320013	Luật thương mại Quốc tế	3	3	1,5	1,5	
	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)					
Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng							
2	2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	17
	2310373	Pháp luật về trọng tài thương mại và hòa giải thương mại	3	1,5	1,5	0	
	2320023	Luật Ngân hàng	3	1,5	1,5	0	
	2310822	Tâm lý học tư pháp	2	2	0	0	
	2310763	Pháp luật về giám sát tài chính	3	1,5	1,5	0	
	2311243	Pháp luật về thi hành án dân sự	3	1,5	1,5	0	
	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)					
Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế							
2	2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	17
	2311303	PL về trọng tài thương mại quốc tế	3	1,5	1,5	0	
	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	3	1,5	1,5	0	
	2311463	Pháp luật về đấu thầu	3	1,5	1,5	0	
	2310393	Pháp luật an sinh xã hội	3	1,5	1,5	0	
	2310822	Tâm lý học tư pháp	2	1,5	0,5	0	
	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)					
Chuyên ngành Luật kinh doanh							
3	2310713	Kỹ năng thực hành nghề Luật	3	0	0	3	12
	2310353	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	1,5	1,5	0	
	2310723	Pháp luật môi trường	3	1,5	1,5	0	

		2310733	Pháp chế DN và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	3	1,5	1,5	0	
		2310743	Pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại	3	1,5	1,5	0	
		2311383	Pháp luật về quản trị nhân sự (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
	Chuyên ngành Tài chính ngân hàng							
		2310713	Kỹ năng thực hành nghề Luật	3	0	0	3	
	3	2310353	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	1,5	1,5	0	12
		2310773	Pháp luật về công chứng chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng	3	1,5	1,5	0	
		2311413	Pháp luật về kế toán	3	1,5	1,5	0	
		2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	3	1,5	1,5	0	
		2311393	Pháp luật về thương mại điện tử (Chọn 1 trong 2)	3	1,5	1,5	0	
	Chuyên ngành Luật thương mại quốc tế							
	3	2310713	Kỹ năng thực hành nghề Luật	3	0	0	3	12
		2310353	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	1,5	1,5	0	
		2311313	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	3	1,5	1,5	0	
		2390103	Pháp luật về đầu tư	3	1,5	1,5	0	
		2310753	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	3	1,5	1,5	0	
		2311293	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
IV	1	2313043	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	3	9
		2313026	Khóa luật tốt nghiệp	6	0	0	6	

<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Kinh doanh)</i>							
1	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	3	1,5	1,5	0	6
	2311483	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	3	1,5	1,5	0	
	2311503	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	3	1,5	1,5	0	
	2310813	Kỹ năng giải quyết các vụ việc cạnh tranh	3	1,5	1,5	0	
	2311523	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực thương mại (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
	<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng)</i>						
1	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	3	1,5	1,5	0	6
	2310783	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	3	1,5	1,5	0	
	2310793	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
	2310803	Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài	3	1,5	1,5	0	
	2313113	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	3	1,5	1,5	0	
	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	

Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế)							
1	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	3	1,5	1,5	0	6
	2311543	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách	3	1,5	1,5	0	
	2310833	Luật hàng hải quốc tế (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	
	2311563	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	3	1,5	1,5	0	
	2311573	Pháp luật về cộng đồng Asean	3	1,5	1,5	0	
	2311583	Pháp luật về Liên minh Châu Âu (Chọn 1 trong 3)	3	1,5	1,5	0	

2.8. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

Học kì 1: 18TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
1	1010443	Triết học Mác Lênin (3TC)	TS. Phạm Văn Boong	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Lê Văn Luận	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			TS. Nguyễn Hồng Hải	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
2	2310053	Lý luận Nhà nước và pháp luật (3TC)	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
			PGS. TS. Phan Nhật Thanh	Mời giảng Trường Đại học Luật Tp. HCM
			TS. Nguyễn Trọng Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
3	2310332	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật (2TC)	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS.LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định
			TS. Võ Trung Tín	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh
			Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Võ Song Toàn	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
4	1010513	Kinh tế học (3TC)	ThS. Nguyễn Thành Luân	Cơ hữu Khoa Quản trị Kinh doanh
			ThS. Huỳnh Thị Nhi	Cơ hữu Phòng Cơ sở vật chất

			ThS. Phan Minh Đạt	Cơ hữu Khoa Kinh tế Tài chính	
5	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế (2TC)	Chọn một trong hai môn	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Phạm Ngọc Anh	Cơ hữu Khoa Luật
6	1010012	Cơ sở Văn hóa Việt Nam (2TC)	Chọn một trong hai môn	TS. Hoàng Kim Oanh	Cơ hữu Khoa NN và VHPĐ
				ThS. Chung Quốc Phong	Cơ hữu Phòng Tuyển sinh
				ThS. Đỗ Nguyên	Cơ hữu Khoa NN và VHPĐ
7	1010663	Tiếng anh Tổng quát 1 (3TC)	ThS. Trần Thị Kim Tuyền	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ	
			ThS. Nguyễn Thị Xuyên	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ	
			ThS. Trần Ngọc Hà	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ	
8	1010342	Quản trị học (2TC)	Chọn một trong hai môn	ThS. Phan Thị Công Minh	Cơ hữu Khoa QTKD
				ThS. Nguyễn Chuẩn Nam	Cơ hữu Phòng Đào tạo Đại học
				ThS. Nguyễn Duy Trung	Cơ hữu TTTT - TCSK
				ThS. Nguyễn Hoàng Vũ	Cơ hữu Khoa QTKD
9	2310042	Lý thuyết tài chính tiền tệ (2TC)	Chọn một trong hai môn	ThS. Nguyễn Thành Luân	Cơ hữu Khoa QTKD
				ThS. Thái Thị Thu Nguyệt	Cơ hữu Khoa KTTC
				TS. Lê Hoàng Vinh	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế - Luật

Học kì 2: 18TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
1	1010452	Kinh tế chính trị Mác Lênin (2TC)	TS. Nguyễn Hồng Hải	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Nguyễn Đề Thủy	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			TS. Trần Như Cương	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
2	2310103	Luật Hiến pháp (3TC)	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Lê Việt Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Ngô Thị Minh Thư	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Lê Vũ Hải Giang	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			TS. Đinh Thị Cẩm Hà	Mời giảng Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng
3	2310553	Luật Dân sự 1 (3TC)	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Phạm Thị Minh Anh	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM
			TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			Nguyễn Phát Lợi	Cơ hữu Khoa Luật

4	2310322	Lịch sử các học thuyết chính trị - Pháp luật (2TC)	Chọn một trong hai môn	ThS. Ngô Thị Minh Thu	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS. TS. Trần Mai Ước	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				ThS. Trần Mai Phương	Mời giảng Trường ĐH Ngoại thương (Tp.HCM)
				TS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				PGS. TS. Trần Mai Ước	Mời giảng trường ĐH Ngân hàng
5	2310032	Lịch sử học thuyết kinh tế (2TC)		TS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng trường ĐH Ngân hàng
6	1010183	Tin học ứng dụng (3TC)		ThS. Văn Nguyễn Như Tâm	Cơ hữu Khoa CNTT
				ThS. Cao Tiến Thành	Cơ hữu Khoa CNTT
				ThS. Huỳnh Thành Lộc	Cơ hữu Khoa CNTT
7	2310272	Xã hội học pháp luật (2TC)		TS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Trần Thị Bích Nga	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Khoa Luật
				Phạm Thị Trinh	Cơ hữu Phòng Thanh tra pháp chế
7	1010673	Tiếng Anh Tổng quát 2 (3TC)		ThS. Trần Thị Kim Tuyến	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ
				ThS. Nguyễn Thị Xuyên	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ
				ThS. Trần Ngọc Hà	Cơ hữu Khoa Ngoại ngữ

Học kì 3: 18TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
1	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	ThS. Phan Thị Lệ Hương	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			TS. Nguyễn Hồng Hải	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
2	2310343	Luật Hành chính và tổ tụng hành chính (3TC)	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Hoàng Thị Ánh Tuyết	Mời giảng Sở Xây dựng TpHCM
			ThS. Ngô Thị Minh Thu	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Phan Minh Phụng	Mời giảng Trường ĐH Công Nghệ TpHCM
			ThS. Nguyễn Nhật Khanh	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế - Luật
3	2310563	Luật Dân sự 2 (3TC)	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật
			Nguyễn Phát Lợi	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
4	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản (2TC)	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Đỗ Bích Ngọc	Cơ hữu Phòng KT và ĐBCL

			ThS. Huỳnh Thị Ngọc Xuân	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Nguyễn Văn Tiếng	Cơ hữu Khoa NN và VHPĐ
5	2310572	Luật Hình sự 1 (3TC)	ThS. Phạm Đình Bảo	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Trình Phạm Đắc Duy	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Văn Tinh	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Trần Thị Thu Hà	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
6	2310243	Luật HN và GD (3TC)	ThS. Huỳnh Thị Ngọc Xuân	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC.TS Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Phạm Đình Bảo	Cơ hữu Khoa Luật
7	2310702	Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật (2TC)	ThS. Đỗ Thành Trung	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Đặng Tất Dũng	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp. HCM
			ThS. Cao Xuân Việt	Cơ hữu Khoa Luật

Học kì 4: 18TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
1	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	ThS. Nguyễn Văn Tinh	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Nguyễn Đê Thủy	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			TS. Trần Như Cương	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
2	2311013	Pháp luật về hợp đồng (3TC)	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Phạm Minh Anh	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế TpHCM
3	2310202	Công pháp quốc tế (2TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng Trường ĐH Luật TpHCM
			PGS.TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một
			Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Cơ hữu Phòng CT-CTSV
4	2310623	Luật Thương mại 1 (3TC)	ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Phòng Đào tạo ĐH
			ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Hữu Tiếng	Giám đốc Công ty TNHH Luật Danh Tiếng
5	2310583	Luật Hình sự 2 (2TC)	ThS. Phạm Đình Bảo	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Trình Phạm Đắc Duy	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Văn Tinh	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Trần Thị Thu Hà	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM

6	2310163	Pháp Luật Đất đai (3TC)	TS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Ngô Gia Hoàng	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
7	2310653	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1 (3TC)	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật

Học kì 5: 11TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
1	1010472	Lịch sử Đảng CSVN (2TC)	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Phan Thị Lệ Hương	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
			ThS. Lê Văn Luận	Cơ hữu Khoa Lý luận chính trị
2	2310133	Luật Lao động (3TC)	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			Ngô Thái Cát Tường	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Lường Minh Sơn	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định
			GVC. TS. Bùi Kim Ngân	Mời giảng Trường ĐH Văn Lang
			ThS. Trương Thị Thanh Trúc	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng TpHCM
			TS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Khoa Luật
3	2310633	Luật Thương mại 2 (3TC)	ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Từ Thanh Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
4	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2 (3TC)	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Nam Trung	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế Tài chính

Học kì 6: 19TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ	
Chuyên ngành Luật kinh doanh					
1	2310172	Luật Tố tụng Hình sự (2TC)	ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật	
			PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
			ThS. Nguyễn Phương Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
2	2310383	PL về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm (3TC)	Chọn một trong ba môn	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Thành Hưng	Cơ hữu Khoa Luật	

				Nguyễn Đình Thịnh	Trưởng VPCC Nguyễn Đình Thịnh
3	2311063	Luật Kinh doanh bảo hiểm (3TC)		GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Phạm Minh Anh	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM
				ThS. Trình Phạm Đắc Duy	Cơ hữu Khoa Luật
4	2310393	Pháp luật An sinh xã hội (3TC)		GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				Ngô Thái Cát Tường	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Trương Thị Thanh Trúc	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
5	2311213	Pháp luật về SHTT trong hoạt động TM (3TC)		ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
				GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
6	2310212	Tư pháp quốc tế (2TC)		ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Võ Hưng Đạt	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS. TS. Bàn Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một
				ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Cơ hữu Phòng CT - CTSV
7	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và Thuế (3TC)		ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
8	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (3TC)		ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Nguyễn Phương Nam	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Nguyễn Thị Xuân Lan	Cơ hữu Khoa KTTC
9	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3 (3TC)		ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Nam Trung	Mời giảng Trường ĐH Kinh tế Tài chính
10	1010042	Giáo dục thể chất 1		Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH
Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế					
1	2310172	Luật Tố tụng Hình sự (2TC)		ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phương Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
2	2311322	Pháp luật về thanh toán quốc tế (3TC)	<i>Chọn một trong</i>	TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM

			<i>ba môn</i>	ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
3	2311023	Pháp luật xuất nhập khẩu qua biên giới (3TC)		TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
4	2310283	Luật So sánh (3TC)		ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS.TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một
				ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Cơ hữu Phòng CT - CTSV
5	2310212	Tư pháp quốc tế (2TC)		ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Võ Hưng Đạt	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một
				ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Cơ hữu Phòng CT - CTSV
6	2310693	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế (3TC)		ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
7	2311213	Pháp luật về SHTT trong hoạt động TM (3TC)		ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật
				GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
8	2320013	Luật Thương mại Quốc tế (3TC)		ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
9	2310673	Tiếng anh chuyên ngành Luật 3 (3TC)		ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
10	1010042	Giáo dục thể chất 1		Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH
Chuyên ngành Luật tài chính Ngân hàng					
1	2310172	Luật Tổ tụng Hình sự (2TC)		ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phương Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
2	2390103	Pháp luật về đầu tư (3TC)	<i>Chọn một trong</i>	ThS. Nguyễn Thành Hưng	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng văn phòng Luật sư Việt Á Châu

			<i>ba môn</i>	ThS. Từ Thanh Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
3	2310393	Pháp luật An sinh xã hội (3TC)		GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				Ngô Thái Cát Tường	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Trương Thị Thanh Trúc	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
4	2311433	Quản trị ngân hàng thương mại (3TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Bùi Kim Dung	Mời giảng	
			TS. Phan Phương Nam	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
5	2310212	Tư pháp quốc tế (2TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Võ Hưng Đạt	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
			Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật	
			PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một	
6	2313093	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và Thuế (3TC)	ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	
7	2311213	Pháp luật về SHTT trong hoạt động TM (3TC)	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Khoa Luật	
			GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	
			ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật	
8	2310363	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (3TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật	
			TS. Nguyễn Phương Nam	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
			ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật	
			TS. Nguyễn Thị Xuân Lan	Cơ hữu Khoa KTTC	
9	2310673	Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3 (3TC)	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật	
10	1010042	Giáo dục thể chất 1	Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH	

Học kì 7: 19TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
Chuyên ngành Luật kinh doanh				
1	2310153	Luật Tố tụng Dân sự (3TC)	ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Trần Diệu Thúy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
2	2310373		ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật

		PL về trọng tài Thương mại và Hòa giải Thương mại (3TC)	ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Thị Ngọc Xuân	Cơ hữu Khoa Luật
3	2320023	Luật Ngân hàng (3TC)	ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
			Ths. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
4	2310822	Tâm lý học Tư pháp (2TC)	ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Vũ Duy Công	Mời giảng Trường CĐ CSND
			TS. Võ Thị Bích Hạnh	Cơ hữu Khoa DLKS
5	2390103	Pháp luật về đầu tư (3TC)	ThS. Nguyễn Thành Hưng	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng văn phòng Luật sư Việt Á Châu
			ThS. Từ Thanh Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
6	2320013	Luật Thương mại Quốc tế (3TC)	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
7	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)	Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH
Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế				
1	2310153	Luật Tố tụng Dân sự (3TC)	ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Trần Diệu Thúy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
2	2311303	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế (3TC)	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
3	2320023	Luật Ngân hàng (3TC)	ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
			Ths. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
4	2310822	Tâm lý học Tư pháp (2TC)	ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Vũ Duy Công	Mời giảng Trường CĐ CSND
			TS. Võ Thị Bích Hạnh	Cơ hữu Khoa DLKS
5	2311463	Pháp luật về đấu thầu (3TC)	ThS. Đỗ Thành Trung	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Hoàng Thị Ánh Tuyết	Mời giảng Sở Xây dựng Tp.HCM
			ThS. Lê Việt Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
6	2310393	Pháp luật An sinh xã hội	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
			Ngô Thái Cát Tường	Cơ hữu Khoa Luật

		(3TC)	ThS. Trương Thị Thanh Trúc	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
7	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)	Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH
Chuyên ngành Luật tài chính Ngân hàng				
1	2310153	Luật Tố tụng Dân sự (3TC)	ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Trần Diệu Thúy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
2	2310373	PL về trọng tài Thương mại và Hòa giải Thương mại (3TC)	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Thị Ngọc Xuân	Cơ hữu Khoa Luật
3	2320023	Luật Ngân hàng (3TC)	ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
			Ths. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
4	2310822	Tâm lý học Tư pháp (2TC)	ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Khoa Luật
			TS. Vũ Duy Công	Mời giảng Trường CĐ CSND
			TS. Võ Thị Bích Hạnh	Cơ hữu Khoa DLKS
5	2310763	Pháp luật về giám sát tài chính (3TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
			ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
			Ths. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
6	2311243	Pháp luật về thi hành án dân sự (3TC)	GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Huỳnh Quang Thuận	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
			TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
7	2020182	Giáo dục thể chất 2 (90 tiết)	Mời giảng	Phòng Đào tạo ĐH

Học kì 8: 12TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ
Chuyên ngành Luật kinh doanh				
1	2310353	Pháp luật Cảnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (3TC)	TS. Nguyễn Thị Láng	Cơ hữu Khoa Luật
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
			ThS. Lê Thị Toàn	Mời giảng Trường ĐH Lao động xã hội (cơ sở 2)
2	2310723		ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Khoa Luật

		Pháp luật môi trường (3TC)	TS. Võ Trung Tín	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp. HCM	
3	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp (3TC)		ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Lê Viết Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS.LS Kiều Anh Vũ	Luật sư sáng lập, Giám đốc công ty luật TNHH KAV Lawyers
4	2310743	Pháp luật về quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Nguyễn Thị Láng	Cơ hữu Khoa Luật
5	2311383	Pháp luật về quản trị nhân sự (3TC)		TS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Khoa Luật
				Ngô Thái Cát Tường	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
6	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật (3TC)	ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định	
Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế					
1	2310353	Pháp luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (3TC)	TS. Nguyễn Thị Láng	Cơ hữu Khoa Luật	
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	
			ThS. Lê Thị Toàn	Mời giảng Trường ĐH Lao động xã hội (cơ sở 2)	
2	2311293	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Cơ hữu Khoa Luật
				PGS.TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng Trường ĐH Thủ Dầu Một
				ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
3	2311343	Pháp luật đầu tư quốc tế (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Thành Hưng	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng VPLS Việt Á Châu
				ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng trường ĐH Luật Tp. HCM
4	2310753	PL về hợp đồng thương mại quốc tế (3TC)		ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật
5	2311313	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ (3TC)	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Phạm Ngọc Anh	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Khoa Luật	
6	2310713			ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật

		Kỹ năng thực hành nghề luật (3TC)	ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định	
Chuyên ngành Luật Tài chính Ngân hàng					
1	2310353	Pháp luật Cảnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (3TC)	TS. Nguyễn Thị Láng	Cơ hữu Khoa Luật	
			GVC. TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	
			ThS. Lê Thị Toàn	Mời giảng Trường ĐH Lao động xã hội (cơ sở 2)	
2	2310713	Kỹ năng thực hành nghề luật (3TC)	ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định	
3	2310773	Pháp luật về công chứng, chứng thực trong hoạt động tín dụng ngân hàng (3TC)	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Khoa Luật	
			ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật	
4	2311413	Pháp luật về kế toán (3TC)	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật	
			TS. Phan Phương Nam	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM	
			ThS. Bùi Kim Dung	Mời giảng trường ĐH Ngân hàng	
5	2311393	Pháp luật về thương mại điện tử (2TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Trần Linh Huân	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Cao Xuân Việt	Cơ hữu Khoa Luật
6	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Lê Việt Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS.LS Kiều Anh Vũ	Luật sư sáng lập, Giám đốc công ty luật TNHH KAV Lawyers

Học kì 9: 9TC

STT	MÃ HP	TÊN HP	TÊN GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ	
1	2313043	Thực tập tốt nghiệp (3TC)	Giảng viên Khoa Luật	Khoa Luật	
2	2313026	Khóa luận Tốt nghiệp (6TC)	Giảng viên Khoa Luật	Khoa Luật	
Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật kinh doanh					
3	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng TM (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. LS. Nguyễn Thanh Hiền	Giám đốc Công ty TNHH Luật ATIM
				ThS. LS Kiều Anh Vũ	Luật sư sáng lập, Giám đốc công ty luật TNHH KAV Lawyers

4	2310783	Kỹ năng giải quyết tranh chấp TM (3TC)		ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng văn phòng Luật sư Việt Á Châu
5	2311503	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động (3TC)		ThS. Đỗ Thành Trung	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Khoa Luật
				GVC.ThS. Bùi Kim Ngân	Mời giảng Trường ĐH Văn Lang
6	2310793	KNTV&BVQL ĐS trong TTDS (3TC)		ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định
7	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh(3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
8	2311523	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực TM (3TC)		ThS. Ngô Thị Minh Thư	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng văn phòng Luật sư Việt Á Châu
				ThS. Đỗ Thành Trung	Cơ hữu Khoa Luật
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật thương mại Quốc tế</i>					
9	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng TMQT (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Hiền	Giám đốc Công ty TNHH Luật ATIM
				ThS Kiều Anh Vũ	Luật sư sáng lập, Giám đốc công ty luật TNHH KAV Lawyers
10	2311543	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và Chính sách 3TC)		ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Ngô Thị Bích Lan	Cơ hữu Khoa Quan hệ Quốc tế
				ThS. Lê Viết Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
11	2310833	Luật hàng hải quốc tế (2TC)		TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Cơ hữu Khoa Luật
				Nguyễn Hữu Tấn	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Khoa Luật
12	2311563	Chính sách và PL KT đối ngoại của VN (3TC)	<i>Chọn một trong ba môn</i>	ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				TS. Ngô Thị Bích Lan	Cơ hữu Khoa Quan hệ Quốc tế
				ThS. Lê Viết Kỳ	Cơ hữu Khoa Luật
13	2311573	PL về Cộng đồng Asean (3TC)		ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phương An	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
14	2311583			ThS. Văn Diệu Thơ	Cơ hữu Khoa Luật

		PL về Liên minh Châu Âu (3TC)		ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
				ThS. Nguyễn Phụng An	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng					
15	2313033	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng TM (3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. LS. Nguyễn Thanh Hiền	Giám đốc Công ty TNHH Luật ATIM
				ThS. LS Kiều Anh Vũ	Luật sư sáng lập, Giám đốc công ty luật TNHH KAV Lawyers
16	2310783	Kỹ năng giải quyết tranh chấp TM (3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Nguyễn Thanh Đạm	Trưởng văn phòng Luật sư Việt Á Châu
				ThS. Đỗ Thành Trung	Cơ hữu Khoa Luật
17	2310793	KNTV&BVQL ĐS trong TTDS (3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. LS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Trường ĐH Gia Định
				ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý	Cơ hữu Khoa Luật
18	2311513	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh(3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Khoa Luật
				GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				ThS. Ngô Thị Minh Thư	Cơ hữu Khoa Luật
19	2310803	Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố NN (3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Từ Thanh Thảo	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM
20	2313113	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế (3TC)	<i>Chọn một trong hai môn</i>	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Khoa Luật
				ThS. Bùi Kim Dung	Mời giảng Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM
				TS. Phan Phương Nam	Mời giảng Trường ĐH Luật Tp.HCM

2.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Khoa Luật được thiết kế thành 09 học kỳ chính với thời gian đào tạo là **3.5** năm bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.

-Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

-Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được chọn theo nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định của mỗi chương trình.

Tùy năng lực và nhu cầu của cá nhân, SV có thể chọn các hình thức học như học đúng tiến độ, học vượt, học chậm. Ngoài ra, SV cũng được phép học trả nợ học phần hoặc học cải thiện.

Một số hướng dẫn cụ thể:

a. Đối với việc đăng ký học đúng tiến độ

- Trước đầu mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo đại học sẽ thông báo danh sách và thời khóa biểu các học phần có trong học kỳ, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần. Các học phần tự chọn thường không cần điều kiện tiên quyết.

- Trước khi học kỳ bắt đầu, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó cho Phòng Đào tạo theo thông báo về thời gian và cách thức mà Phòng đào tạo qui định và ban hành trước đó.

- Việc đăng ký học phần, kể cả đăng ký học vượt và học chậm chỉ được tiến hành từ năm học thứ hai trở về sau. Trong năm học thứ nhất, Phòng Đào tạo sẽ tự động đăng ký đủ các học phần có trong học kỳ cho sinh viên theo khung lớp hành chính.

b. Đối với việc đăng ký học vượt

- SV chỉ được đăng ký học vượt các học phần có trong học kỳ đó ở các khóa trên hoặc ở khoa khác có cùng mã học phần, số tín chỉ.

- SV cần làm Phiếu đăng ký học phần (theo mẫu của Phòng Đào tạo), nộp về cho giảng viên cố vấn của mình để duyệt cho phép học vượt nếu sinh viên đáp ứng các điều kiện học vượt theo Quy chế đào tạo tín chỉ (Quy chế 43). Sau khi được giảng viên cố vấn và Khoa phê duyệt, SV nộp phiếu về Phòng Đào tạo. Căn cứ vào phiếu, Phòng Đào tạo sẽ thực hiện đăng ký trên hệ thống cho sinh viên.

c. Đối với việc đăng ký học trả nợ học phần hoặc học cải thiện

- SV chỉ được đăng ký học trả nợ hoặc học cải thiện các học phần có trong học kỳ đó ở các khóa tiếp theo hoặc ở khoa khác có cùng mã học phần, số tín chỉ.

- SV thực hiện đăng ký học phần theo thông báo về thời gian và cách thức mà Phòng đào tạo qui định và ban hành vào đầu mỗi học kỳ.

d. Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè)

- SV chỉ được đăng ký các học phần có trong danh sách dự kiến mở trong học kỳ phụ của Phòng Đào tạo thông báo vào cuối học kỳ 2 của mỗi năm học.

- SV thực hiện đăng ký học phần theo thông báo về thời gian và cách thức mà Phòng Đào tạo qui định và ban hành vào cuối học kỳ 2 của mỗi năm học.

e. Học phần *Thực tập* (3TC), khóa luận tốt nghiệp (6TC) là học phần bắt buộc.

2.10. Mô tả các học phần:

1. Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Học phần bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước. Học phần bao gồm:

- Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ

Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ

Giúp cho sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

6. Tiếng Anh tổng quát 1: 03 tín chỉ

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Tiếng Anh tổng quát 2: 03 tín chỉ

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ

và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8. Kinh tế học: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học hiện đại (Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô). Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và những phương pháp của khoa học kinh tế. Tiếp đó là phân phân tích cơ bản về một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế thị trường – cầu, cung, giá cả cân bằng và thực chất của sự điều tiết của cơ chế thị trường cũng như việc Chính phủ tác động và các thị trường. Trên quan điểm phân tích chi phí và lợi ích, học phần đi sâu giải thích hành vi của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Học phần dành một phần quan trọng để luận giải các vấn đề của toàn bộ hệ thống kinh tế. Đó là các vấn đề tổng cầu, tổng cung, sản lượng quốc gia, thất nghiệp và lạm phát. Trên nền tảng này, học phần tập chung luận giải việc sử dụng các công cụ chính sách của Chính phủ (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương) nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế.

9. Pháp luật về Tài chính doanh nghiệp và thuế: 03 tín chỉ

Học phần này hệ thống lại kiến thức về lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp mà người học đã được tìm hiểu rải rác trong những học phần trước đó và cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu để hiểu rõ hơn về cơ chế tài chính doanh nghiệp dưới góc độ pháp lý. Giúp cho người học hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản về pháp luật TCDN và nhận diện; sử dụng được các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Ngoài ra, liên quan đến phạm trù tài chính doanh nghiệp còn có những nội dung về thuế. Học phần còn trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế, hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong các sắc thuế và trọng tâm là các sắc thuế liên quan đến doanh nghiệp

10. Lịch sử các học thuyết kinh tế: 02 tín chỉ

Lịch sử các học thuyết kinh tế là một môn khoa học xã hội, nghiên cứu quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của hệ thống các quan điểm kinh tế gắn với các giai đoạn lịch sử nhất định. Lịch sử các học thuyết kinh tế cung cấp cho

người học một cách có hệ thống những tư tưởng kinh tế, mà cốt lõi, xuyên suốt là tư tưởng về giá trị hàng hoá.

11. Lịch sử học thuyết chính trị - Pháp luật: 02 tín chỉ

(i) Học phần được thiết kế để cung cấp cho người học kiến thức về sự ra đời các học thuyết chính trị - pháp luật của các nhà tư tưởng qua các thời kỳ từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại. Giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực khoa học pháp lý thông qua nghiên cứu các học thuyết chính trị - pháp luật; (ii) Vận dụng các học thuyết, các tư tưởng về nhà nước và pháp luật trong các học thuyết để nhận thức và luận giải các hiện tượng, bản chất của các vấn đề pháp lý hiện nay. So sánh, đánh giá được ưu và hạn chế của các học thuyết và rút ra bài học kinh nghiệm; (iii) Hình thành cho người học kỹ năng tổ chức, quản lý và làm việc nhóm để nghiên cứu, trình bày các học thuyết chính trị - pháp luật qua các thời kỳ theo nhận thức của mình và có quan điểm cá nhân. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng nghiên cứu độc lập các học thuyết chính trị - pháp luật, có đạo đức trong nghiên cứu và học tập.

12. Lý thuyết tài chính – tiền tệ: 02 tín chỉ

Lý thuyết Tài chính – tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính – tiền tệ như: tổng quan về tài chính – tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

13. Quản trị học: 2 tín chỉ

Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần quản trị học bao gồm: Vai trò của quản trị trong nền kinh tế hiện đại; sự phát triển của lý thuyết quản trị; các chức năng quản trị, các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); truyền đạt thông tin trong quản trị; quá trình ra quyết định quản trị; quản trị rủi ro.

14. Tâm lý học tư pháp: 02 tín chỉ

(i) Cung cấp cho người học những vấn đề chung của tâm lý học tư pháp, đặc điểm tâm lý của những người có liên quan trong một số hoạt động tư pháp chủ yếu như điều

tra, xét xử, cải tạo/giáo dục. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu những vấn đề cốt lõi trong tâm lý học tội phạm, đặc biệt là nguyên nhân tâm lý – xã hội của tình hình tội phạm; (ii) Cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng như: vận dụng các kiến thức tâm lý và các phương pháp tâm lý để giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong hoạt động tư pháp. Tham vấn, tư vấn trong hoạt động tư pháp. Sau khi kết thúc học phần: sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu độc lập, có năng lực trong tư duy phản biện lại các quan điểm, ý kiến trái chiều và đưa ra những ý kiến bảo vệ lại quan điểm của bản thân trong quá trình học tập, nghiên cứu; lên án hành vi lợi dụng tâm lý không tốt của người phạm tội để ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

15. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 02 tín chỉ

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng.

Môn học gồm 3 nhóm vấn đề chính: 1) Các kiến thức về văn hoá học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các công cụ định vị văn hoá v.v.. 2) Vận dụng những kiến thức cơ bản của văn hoá học để khắc hoạ diện mạo của Văn hoá Việt Nam với những nét bản sắc. 3) Tiến trình hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam và sự đổi mới của văn hoá Việt Nam trước bối cảnh toàn cầu hoá.

16. Tin học ứng dụng: 3 tín chỉ

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về tin học ứng dụng theo chuẩn mực của Microsoft Office. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng sử dụng trình soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo, trang trí văn bản chuyên nghiệp, cũng như có khả năng sử dụng bảng tính Microsoft Excel để tạo các bảng tính để tính toán, thống kê dữ liệu trong thực tế.

17. Lý luận về nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thức, chức năng, bộ máy nhà nước, mối quan hệ nhà nước và cá nhân; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật và kinh tế, văn hóa, xã hội. Hệ thống các kiến thức cơ bản về pháp luật bao gồm: thuộc tính, chức năng, hình thức, nguồn và nguyên tắc pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước với các phương tiện điều chỉnh, thiết chế xã hội khác; nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Nội dung học phần đề cập các vấn đề cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật; hoạt động xây dựng và thực hiện, áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật, văn

hóa pháp luật. Các nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền, hệ thống pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

18. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên ngành sâu về giải quyết tranh chấp trong TMQT như: Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và quốc gia; Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và thương nhân; Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa thương nhân và thương nhân; Kiến thức về các vấn đề pháp luật, kinh tế, chính trị, ngoại giao trong việc giải quyết tranh chấp TMQT; Đồng thời, xuyên suốt trong môn học, các giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên sử dụng phương pháp case study, kỹ năng mock trial khi tiếp cận và giải quyết các tranh chấp TMQT.

19. Pháp luật về trọng tài Thương mại quốc tế: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp những kiến thức chuyên ngành sâu về giải quyết tranh chấp trong TMQT như: - Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và quốc gia; Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và thương nhân; Kiến thức và thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa thương nhân và thương nhân; Kiến thức về các vấn đề pháp luật, kinh tế, chính trị, ngoại giao trong việc giải quyết tranh chấp TMQT; Đồng thời, xuyên suốt trong môn học, các giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên sử dụng phương pháp case study, kỹ năng mock trial khi tiếp cận và giải quyết các tranh chấp TMQT.

20. Luật Dân sự 1: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Luật dân sự - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự); Luật dân sự có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh xã hội.

21. Luật Dân sự 2: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về tài sản và thừa kế- những lĩnh vực luật tư cơ bản và điển hình nhất. Nội dung của học phần bao gồm các lý thuyết về luật tài sản như tài sản, phân loại tài sản, quyền sở hữu và các vật quyền khác, các hình thức sở hữu.. và nội dung cơ bản về luật thừa kế.

22. Luật Hiến pháp: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hiến pháp - luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay; các cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp đang hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới. Đó là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối kết hợp giữa 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

23. Luật Hình sự 1: 2 tín chỉ

Luật hình sự phần chung là môn học chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, TNHS và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Module này gồm 15 vấn đề với 3 tín chỉ. Bao gồm những nội dung: 1. Khái niệm luật hình sự và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; 2. Nguồn của luật hình sự Việt Nam; 3. Tội phạm; 4. Các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm; 5. Khách thể của tội phạm; 6. Mặt khách quan của tội phạm; 7. Chủ thể của tội phạm; 8. Mặt chủ quan của tội phạm; 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm; 10. Đồng phạm; 11. Các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; 13. Quyết định hình phạt; 14. Các chế định liên quan đến việc chấp hành hình phạt; 15. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

24. Luật Hình sự 2: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

25. Luật lao động; 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về luật Lao động như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật Lao động Việt Nam; Học và dạy nghề; Khái niệm, ý nghĩa, nội dung, hình thức và giao kết hợp đồng lao động; Hợp đồng lao động vô hiệu; Cho thuê lại lao động; Một số vấn đề pháp lý về tiền lương; Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; An toàn và vệ sinh lao động; Trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết các cuộc đình công.

26. Luật hành chính và tổ tụng hành chính: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngành Luật hành chính; quản lý nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán), đối với hoạt động quản lý nhà nước; giải quyết tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước. Những kiến thức này là cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả, hiệu lực và bảo hộ tích cực các quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật tố tụng hành chính, Xây dựng văn bản pháp luật, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật lao động, Luật môi trường và Luật hôn nhân và gia đình.

27. Pháp Luật đất đai: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lí luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lí cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lí, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, pháp luật về nhà ở và các loại đất có thể tham gia vào thị trường bất động sản.

28. Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật: 2 tín chỉ

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp học luật và định hướng nghề Luật đối với người học năm thứ nhất, lộ trình học tập đối với ngành Luật Kinh tế trong

các năm tiếp theo. Cung cấp cho người học có khả năng nhận diện và vận dụng phương pháp học luật trong các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế; Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nhận diện vấn đề pháp lý, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe chủ động, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng lập luận tranh luận. Sau khi kết thúc học phần người học được cung cấp kiến thức cơ bản về ngành Luật Kinh tế, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, định hướng được lộ trình học tập và vị trí việc làm trong tương lai như: nghề pháp chế doanh nghiệp, cố vấn pháp lý, nghề công chứng viên... và các kỹ năng cơ bản trong ngành Luật Kinh tế.

29. Luật hôn nhân và gia đình: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân là chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền và nghĩa vụ của các cá nhân về nhân thân và tài sản trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt là trẻ em.

30. Luật tố tụng dân sự: 3 tín chỉ

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

31. Luật tố tụng hình sự: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về luật tố tụng hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự và quá trình

phát triển của Luật tố tụng hình sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự; các biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; trình tự khởi tố; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự; giám đốc thẩm, tái thẩm; thủ tục giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thủ tục rút gọn trong việc giải quyết vụ án hình sự và những vấn đề về khiếu nại, tố cáo.

32. Pháp luật an sinh xã hội: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật an sinh xã hội như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội; Quan hệ pháp luật an sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Ưu đãi xã hội; Cứu trợ xã hội; Tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

33. Công pháp quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên ngành luật những kiến thức về các nguyên tắc cơ bản và các quy phạm pháp luật quốc tế, được xây dựng dựa trên sự nhất trí và tự nguyện của các quốc gia-chủ thể cơ bản của luật quốc tế. Học phần này có thể chia ra làm hai phần: phần chung và phần riêng. Phần chung giới thiệu những lý thuyết cơ bản của công pháp quốc tế như: các nguyên tắc cơ bản; các học thuyết của các học giả; chủ thể của luật quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; và sự ảnh hưởng của luật quốc tế đối với pháp luật quốc gia. Phần riêng đề cập đến những vấn đề cụ thể trong quan hệ quốc tế giữa các quốc gia như: luật biên quốc tế; luật nhân đạo quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; và luật hình sự quốc tế...

34. Tư pháp quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về TPQT với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

35. Pháp luật môi trường: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về pháp luật môi trường như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các nguyên tắc căn bản, những nội dung chính của một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp liên quan rất nhiều tới tất cả các hoạt động của các chủ thể trong xã hội. Đó là những nội dung về đánh giá tác động môi trường, nguyên lý phát triển bền vững, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quản lý chất thải và chất thải nguy hại. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, học phần bước đầu còn trang bị cho sinh viên một số kỹ năng phát hiện, tư vấn và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống, khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế.

36. Quan hệ kinh tế quốc tế: 2 tín chỉ

Quan hệ kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa các thực thể công (quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế) và các thực thể tư (cá nhân, pháp nhân) và một số chủ thể khác, thể hiện ở sự trao đổi quốc tế về hàng hoá, dịch vụ, vốn, khoa học - công nghệ, sức lao động, sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia, các thiết chế và chính sách điều chỉnh các quá trình trao đổi quốc tế nói trên.

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương ngành Luật thương mại quốc tế, được tiếp cận dưới góc độ là học phần “liên ngành” (bao gồm kinh tế học, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, khoa học chính trị, pháp luật thương mại quốc tế...), cùng với học phần Tổng quan về kinh doanh quốc tế, cung cấp những kiến thức đại cương và nền tảng để giúp sinh viên có thể tiếp cận tốt những học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp của ngành Luật thương mại quốc tế (như Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế, Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế, Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế, Luật đầu tư quốc tế...). Tương tự, học phần này cũng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, làm nền tảng và hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần luật và lĩnh vực pháp luật có liên quan đến kinh tế quốc tế như Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Pháp luật cộng đồng ASEAN... trong chương trình đào tạo ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá để tìm hiểu những diễn biến kinh tế trên thế giới cũng như công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

37. Xã hội học pháp luật: 02 tín chỉ

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là môn học thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay.

Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật chắc chắn sẽ mang lại cho sinh viên luật nhiều điều lí thú, bổ ích, phục vụ thiết thực, trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lí.

38. Luật so sánh: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung sau: Những vấn đề chung về luật so sánh; Truyền thống pháp luật La Mã – Đức; các cơ quan tài phán theo luật công và luật tư, Nguồn luật của các hệ thống pháp luật thuộc truyền thống pháp luật La Mã – Đức; Truyền thống pháp luật Common Law; Truyền thống pháp luật XHCN; Truyền thống pháp luật Hồi giáo; Hệ thống pháp luật của Pháp luật Trung Quốc và Nhật Bản; Hệ thống pháp luật của một số nước Asean.

39. Kỹ năng tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp luật: 2 tín chỉ

Giúp người học nhận thức về TDPB, những đặc điểm và tiêu chuẩn của TDPB, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của TDPB, vai trò và động lực của TDPB đối với sự phát triển của bản thân trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp, cũng như đối với sự phát triển của xã hội;

Rèn luyện khả năng suy luận: Có khả năng rút ra kết luận từ một hoặc nhiều căn cứ, dữ liệu, bằng chứng hỗ trợ. Nhìn thấy được mối quan hệ logic giữa các dữ liệu, biết

cách tự hình thành cho bản thân những nhận định sáng suốt, vững chắc, có căn cứ; Biết nhận dạng, đánh giá và xây dựng các lý lẽ. Nhạy bén nhận diện và bác bỏ nguy hiểm. Từ đó xây dựng cho mình cách học, cách ứng xử, cách tư duy, cách lập luận... hiệu quả, chuyên nghiệp trong môi trường học tập, nghiên cứu cũng như hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực Pháp luật.

Sau khi kết thúc học phần, người học xây dựng cho mình phương pháp rèn luyện để hình thành và nâng cao khả năng nhìn nhận, phân tích, đánh giá vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, biết loại bỏ thành kiến, cảm xúc cá nhân, sáng suốt lựa chọn các giải pháp hợp lý để giải quyết vấn đề nảy sinh trong cuộc sống và công việc.

40. Kỹ năng soạn thảo văn bản: 2 tín chỉ

Môn học “Kỹ năng soạn thảo văn bản” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại văn bản pháp luật trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam, ý nghĩa ban hành, thẩm quyền ban hành, hiệu lực của văn bản; những kiến thức về thể thức một văn bản và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản thông dụng như văn bản của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban nhân dân, công văn hành chính, tờ trình, báo cáo.

41. Pháp luật về Hợp đồng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý nền tảng về luật nghĩa vụ một trong những lĩnh vực đặc trưng và quan trọng nhất của luật tư. Nội dung của học phần gồm các nội dung cơ bản chung về nghĩa vụ, về luật hợp đồng, và các căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ khác.

42. Pháp luật về đầu tư: 3 tín chỉ

Môn học luật đầu tư trước hết giới thiệu tới sinh viên các quy định pháp luật cơ bản điều chỉnh các hoạt động đầu tư bao gồm các vấn đề trong quản lý nhà nước về đầu tư như bảo đảm đầu tư, khuyến khích đầu tư, những kiến thức về triển khai dự án đầu tư cũng như giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong mỗi dự án đầu tư. Môn học bao gồm các nội dung: Tìm hiểu về quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư; Các loại hình và đặc điểm pháp lý của hoạt động đầu tư; Tìm hiểu về các biện pháp khuyến khích đầu tư; Tìm hiểu về các chế tài đối với hành vi vi phạm trong hoạt động đầu tư; Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm trong việc tiếp xúc, xử lý những vấn đề pháp lý về đầu tư từ những hồ sơ thực tế.

43. Luật Thương mại 1: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng trong Luật thương mại bao gồm việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, trung gian thương mại, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hành hóa dịch vụ, nhượng quyền thương mại và các hoạt động thương mại khác nhằm mục đích lợi nhuận hoặc thực hiện chính sách kinh tế – xã hội

44. Luật Thương mại 2: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng trong Luật thương mại bao gồm việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, trung gian thương mại, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hành hóa dịch vụ, nhượng quyền thương mại và các hoạt động thương mại khác nhằm mục đích lợi nhuận hoặc thực hiện chính sách kinh tế – xã hội.

45. Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 3 tín chỉ

Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến pháp luật về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi hạn chế cạnh tranh và thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh; những kiến thức cơ bản về vấn đề lý luận chung liên quan đến pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam - một lĩnh vực tương đối mới trong nền kinh tế thị trường, các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng cũng như các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng; các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung do tổ chức, cá nhân kinh doanh đơn phương soạn thảo; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Qua đó sinh viên có góc nhìn sâu sắc hơn về thực trạng về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay.

46. Pháp luật về Quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại: 3 tín chỉ

Pháp luật về Quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại là môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về vai trò của nhà nước và cách thức Nhà nước đảm bảo hoạt động trong lĩnh vực thương mại được thực hiện phù hợp với lợi ích của thương nhân, của người tiêu dùng, của Nhà nước và của toàn xã hội. Ngoài vấn đề tổng quan về quản lý

nhà nước trong lĩnh vực thương mại, môn học giới thiệu các nội dung cơ bản về quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật quản lý nhà nước về giá, quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán trong hoạt động thương mại và vai trò của nhà nước về đảm bảo công bằng trong hoạt động thương mại; Quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư; Xử phạt vi phạm hành chính trong sản xuất, thương mại và đầu tư.

47. Luật Kinh doanh bảo hiểm: 3 tín chỉ

Luật kinh doanh bảo hiểm là môn học quan trọng thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế mà sinh viên luật cần nắm vững. Môn học cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm - lĩnh vực hẹp của chuyên ngành luật tài chính-ngân hàng. Môn học gồm các nội dung chính sau đây: 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; 2. Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm; 3. Địa vị pháp lý của trung gian bảo hiểm; 4. Những vấn đề chung về sản phẩm bảo hiểm; 5. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ; 6. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

48. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, làm rõ thị trường chứng khoán là một trong ba loại thị trường hợp thành thị trường tài chính là hết sức cần thiết cho sinh viên các trường đại học. Nếu như ở các nước phát triển trên thế giới như Mỹ, Anh, Nhật, thị trường chứng khoán và kèm theo nó là pháp luật về thị trường chứng khoán đã ra đời tương đối lâu và là bộ phận pháp luật không thể thiếu của khung pháp luật trong nền kinh tế thì ở Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là một bộ phận pháp luật hết sức mới mẻ, chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Điều này được lý giải bởi thị trường chứng khoán ở Việt Nam là một phạm trù kinh tế mới xuất hiện không những về mặt lý thuyết mà cả về mặt thực tiễn.

49. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại quốc tế là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp các khía cạnh pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại mang tính quốc tế. Môn học được thiết kế gồm 6 vấn đề: Tổng quan về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động

thương mại quốc tế; Nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán HĐ trong HĐTM quốc tế; Khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo HĐTM; Cách thức soạn thảo HĐ trong HĐTM quốc tế và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo HĐ trong HĐTM quốc tế; Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại; Soạn thảo một số hợp đồng thương mại.

50. Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm: 3 tín chỉ

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên sau khi ra trường để có thể tiếp tục học chuyên sâu về nghiệp vụ công chứng hoặc làm việc ở các phòng công chứng, văn phòng công chứng, cụ thể như về hành nghề công chứng viên, thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch, chứng nhận di chúc, bản dịch. Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì giao dịch bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp, cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; đã quy định về cơ chế đăng ký các biện pháp bảo đảm. Môn học giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm nói chung, các biện pháp bảo đảm, biết vận dụng kiến thức chung để nhận diện bản chất của các loại hợp đồng bảo đảm trên thực tế, biết vận dụng kiến thức để soạn thảo và công chứng các hợp đồng bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

51. Pháp luật về công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp kiến thức về các quy định chung của pháp luật công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm trong các hợp đồng tín dụng ở ngân hàng. Cung cấp các quy định cụ thể để công chứng, chứng thực các hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng; Cung cấp các kiến thức về các biện pháp bảo đảm tài sản trong hoạt động tín dụng cũng như hoạt động đăng ký giao dịch tài sản và xử lý tài sản bảo đảm trong hoạt động này.

52. Luật ngân hàng: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các vấn đề lý luận của Luật ngân hàng, nội dung điều chỉnh pháp lý của bộ phận pháp luật này, tạo tiền đề cơ bản cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này, đồng

thời giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về địa vị pháp lý của Ngân hàng Trung ương, của các tổ chức tín dụng, về thực trạng pháp luật hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, tổ chức khác có hoạt động ngân hàng. Đây là các bộ phận pháp luật rất quan trọng, điều chỉnh các quan hệ kinh tế thuộc lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, thanh toán, ngoại hối. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, với sự đa dạng của các quan hệ phân phối, sự luân chuyển các nguồn vốn tiền tệ trong nền kinh tế, vai trò của Luật ngân hàng càng trở nên thiết thực hơn.

53. Pháp luật về trọng tài thương mại và hoà giải thương mại: 3 tín chỉ

Môn học Pháp luật về Trọng tài thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án, đặc biệt là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại. Nội dung cụ thể bao gồm 03 nội dung: (1) Tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án; (2) Tổ tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam; (3) Trọng tài thương mại quốc tế và một số nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống pháp lý xảy ra trong thực tế để sinh viên ứng dụng.

54. Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: khái niệm và điều kiện bảo hộ đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nội dung và giới hạn quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

55. Tiếng Anh chuyên ngành Luật 1: 3 tín chỉ

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh pháp lý nói chung đặc biệt là trong các lĩnh vực pháp luật công như luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, công pháp quốc tế.... Môn học trước hết giới thiệu đến người học những từ vựng và các cách thức sử dụng từ ngữ tiếng Anh pháp lý trong một số lĩnh vực luật công như kể trên. Thông qua các bài học và bài tập, người học được làm quen với các cấu trúc câu, các cách thể hiện ngôn ngữ pháp lý bằng tiếng Anh. Kết thúc môn học, người học bước đầu có thể đọc hiểu và làm việc trực tiếp trên các tài liệu bằng tiếng

Anh, trình bày được một số vấn đề cơ bản bằng ngôn ngữ nói và viết tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật nhất định nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu các môn học khác và các công việc tư vấn, soạn thảo và dịch thuật trong tương lai.

56. Tiếng Anh chuyên ngành Luật 2: 3 tín chỉ

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng anh trong pháp lý đặc biệt là các lĩnh vực pháp luật tư, bao gồm luật dân sự, luật hợp đồng, luật hôn nhân gia đình, luật lao động, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Môn học cung cấp cho người học những từ vựng và cách cấu trúc và cách sử dụng ngôn ngữ phổ biến trong lĩnh vực kể trên. Qua quá trình học tập, người học bước đầu có thể đọc hiểu và làm việc trực tiếp trên các tài liệu bằng tiếng Anh, trình bày được một số vấn đề cơ bản bằng ngôn ngữ nói và viết tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật nhất định nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu các môn học khác và các công việc tư vấn, soạn thảo và dịch thuật trong tương lai.

57. Tiếng Anh chuyên ngành Luật 3: 3 tín chỉ

Môn tiếng Anh pháp lý 3: Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và soạn thảo các văn bản pháp lý bằng tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung, tập trung vào lĩnh vực tố tụng, giải quyết tranh chấp và các kỹ năng hành nghề luật nói riêng. Chương trình học hướng người học làm quen với các các từ vựng, các cấu trúc câu và các tình huống phổ biến trong tiến trình tố tụng, giải quyết tranh chấp hoặc các tình hình huống phát sinh trong quá trình hành nghề luật. Thông qua các bài tập mô phỏng các tình huống tố tụng và hành nghề luật thực tế, người học không chỉ rèn luyện khả năng tiếng Anh mà còn có cơ hội củng cố, cải thiện các kiến thức pháp lý liên quan.

Kết thúc học phần, người học được kỳ vọng nhớ và sử dụng thành thạo các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh đặc thù của ngành luật cũng như có thể trình bày một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực tố tụng, giải quyết tranh chấp và hành nghề luật bằng tiếng Anh. Từ đó, người học cũng có thể tự tin tham gia vào các tình huống phát sinh trong quá trình tố tụng/hành nghề luật có sử dụng tiếng Anh trong tương lai.

58. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại: 3 tín chỉ

Có những hiểu biết cơ bản và phân tích được kiến thức về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại. Có những kiến thức về Kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn

về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

59. Pháp luật về giám sát tài chính: 3 tín chỉ

Học phần đề cập một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật, xu hướng của pháp luật về giám sát tài chính ở Việt Nam trong mối tương quan với việc lựa chọn mô hình giám sát tài chính. Phân tích, đánh giá rất cụ thể thực trạng pháp luật về tổ chức hệ thống giám sát, bao gồm giám sát các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

60. Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài: 3 tín chỉ

Học phần Kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài cung cấp cho người học một số kiến thức chuyên sâu về các loại hợp đồng như hợp đồng mua bán hàng hoá, Hợp đồng dịch vụ, hợp đồng tiêu dùng, hợp đồng chuyển giao công nghệ,... có yếu tố nước ngoài. Cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng tư vấn hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài như: tư vấn đàm phán hợp đồng có yếu tố nước ngoài; tư vấn soạn thảo hợp đồng có yếu tố nước ngoài; tư vấn giải quyết tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài (bằng thương lượng, hoà giải, toà án và trọng tài).

61. Pháp luật về đấu thầu: 3 tín chỉ

Pháp luật về đấu thầu là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia và hoạt động thương mại của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu. Nội dung học phần được tóm tắt như sau: 1) Những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu; 2) Đấu thầu mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản của các hiệp định WTO về mua sắm Chính phủ; 3) Pháp luật Việt Nam về đấu thầu; 4) Các qui định cơ bản về đấu thầu của UNCITRAL, WB, ADB và FIDIC.

62. Kỹ năng thực hành nghề luật: 2 tín chỉ

(i) Cung cấp cho người học kiến thức thực tiễn thông qua các tình huống pháp lý, cách thức nhận diện vấn đề pháp lý và áp dụng pháp luật để giải quyết vấn đề cụ thể

trong các lĩnh vực pháp luật dân sự, hành chính, hình sự, kinh tế; (ii) Cung cấp cho người học kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản hành chính, văn bản áp dụng pháp luật trong các lĩnh vực dân sự, hình sự, lao động, hành chính, thương mại; (iii) Cung cấp cho người học kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng làm việc nhóm trong thực hành nghề nghiệp trong các công việc cụ thể; (iv) Cung cấp cho người học kỹ năng nhận diện vấn đề pháp lý, kỹ năng phân tích, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tiễn trong các lĩnh vực dân sự, hình sự, lao động, hành chính, thương mại. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng làm việc độc lập, tổ chức, điều hành các hoạt động chuyên môn trong các vị trí việc làm gắn với các lĩnh vực cụ thể. Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, có ý thức thượng tôn pháp luật.

63. Pháp luật về Quản trị nhân sự: 3 tín chỉ

Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp là môn học pháp lý ứng dụng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp những kiến thức lí luận về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp nói chung và kỹ năng xây dựng công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực; tuyển dụng, bố trí lao động; đào tạo, phát triển, đánh giá nhân sự; chế độ thù lao, khuyến khích tài chính.

64. Pháp luật thương mại điện tử: 3 tín chỉ

Môn học pháp luật thương mại điện tử cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại điện tử Nội dung cơ bản của môn học: Khái quát về thương mại điện tử và pháp luật điều chỉnh; Giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử và chữ ký số; Chứng cứ trong giao dịch điện tử; Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

65. Hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch KDQT: 3 tín chỉ

Môn học hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế cũng như pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: (i) Tổng quan về hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế khác; (ii) Tự do hợp đồng; (iii) Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; (iv) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; (v) Hợp đồng đại lí và phân phối sản phẩm quốc tế; (vi) Logistics quốc tế; (vii) Hoạt động thanh toán quốc tế; (viii) Bảo hiểm hàng hoá trong thương mại quốc tế.

66. Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lí chuyên sâu về quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế của các thương nhân. Môn học hướng đến trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề chung về quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế (như khái niệm quyền SHTT; vấn đề xác lập và sử dụng các đối tượng SHTT; chuyển giao quyền SHTT; ...), pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế. Trên cơ sở nắm vững những khối kiến thức về lý thuyết, học phần cũng hướng đến việc giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức đã học để nhận diện các vấn đề pháp lý, lên kế hoạch xử lý và xử lí tình huống cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp liên quan đến quyền SHTT đồng thời xây dựng chiến lược phòng tránh bị xâm phạm quyền SHTT cho doanh nghiệp khi tham gia vào các quan hệ thương mại quốc tế.

67. Kỹ năng giải quyết tranh chấp Thương mại: 3 tín chỉ

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại. Học phần tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án.

68. Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong Tố tụng dân sự: 3 tín chỉ

Môn học Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi trong tố tụng dân sự là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên phải được học vào năm cuối trước khi đi thực tập sau khi đã học xong hầu hết các môn luật. Nội dung cụ thể bao gồm các nội dung chính sau: (1) Kỹ năng nghiệp vụ trong tư vấn và bảo vệ quyền lợi trong tố tụng đối với các vụ việc/vụ án dân sự: kỹ năng tiếp xúc khách hàng, kỹ năng viết, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đại diện trong và ngoài tố tụng ...; (2) Logic trong suy luận pháp lý: các phương pháp suy luận thường dùng trong luật học; (3) Nhiệm vụ, tiêu chuẩn và phẩm chất cần có của người luật sư/tư vấn viên pháp luật.

Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống thực tiễn, những bài tập thực hành để sinh viên ứng dụng.

69. Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp: 3 tín chỉ

Học phần pháp chế doanh nghiệp giúp học viên định hướng và định hình rõ nét về bản đồ tư duy pháp lý doanh nghiệp từ đó xác định hành trang cần thiết phục vụ cho nghề pháp chế doanh nghiệp. Trang bị bài bản về kiến thức nghiệp vụ cho học viên pháp lý/pháp chế doanh nghiệp. đề cương cung cấp nghiệp vụ và kỹ năng bài bản, chuyên sâu cho những người học ngành Luật muốn theo đuổi nghề pháp chế doanh nghiệp, cụ thể gồm: Pháp chế doanh nghiệp; Luật sư In-house cho doanh nghiệp; Luật sư mở hãng luật hoặc tham gia làm việc tại hãng luật tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp.

70. Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động: 3 tín chỉ

Kỹ năng giải quyết vụ án lao động là học phần pháp lý ứng dụng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải quyết vụ án lao động. Học phần cung cấp những kiến thức lí luận cũng như kỹ năng về giải quyết vụ án lao động như kỹ năng khởi kiện, thụ lý vụ án lao động, kỹ năng chuẩn bị xét xử vụ án lao động (như kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng thu thập chứng cứ và kỹ năng hòa giải), kỹ năng giải quyết vụ án lao động tại phiên tòa sơ thẩm phiên tòa sơ thẩm, kỹ năng quyết vụ án lao động ở cấp phúc thẩm và kỹ năng giải quyết vụ án lao động ở cấp giám đốc thẩm và tái thẩm

71. Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh: 3 tín chỉ

Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động xử lý vụ việc cạnh tranh. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc cạnh tranh ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh từ thụ lý hồ sơ khiếu nại, điều tra, ra quyết định xử lý, miễn trừ và giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

72. Pháp luật về kế toán: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kế toán tại đơn vị kế toán. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Những vấn đề chung về kế toán và pháp luật kế toán; Chế độ pháp lý về bộ máy kế toán và người làm kế toán; Chế độ pháp lý về công tác kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán; Quản lý nhà nước về hoạt động kế toán

73. Quản trị ngân hàng thương mại: 3 tín chỉ

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về quản trị ngân hàng thương mại. Môn học sẽ giúp sinh viên có thể đánh giá được khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại, cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị tài sản – nợ của ngân hàng thương mại, từ đó giới thiệu các cách tiếp cận việc quản trị tài sản – nợ khác nhau của hệ thống ngân hàng quốc tế. Bên cạnh đó, môn học cung cấp thêm những vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của ngân hàng thương mại như quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản... của các ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Tổng quan về quản trị ngân hàng thương mại; Phân tích hoạt động ngân hàng; Quản lý thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi; Quản trị Rủi ro lãi suất; Quản trị thanh khoản; Quản trị vốn của ngân hàng

74. Pháp luật xuất nhập khẩu qua biên giới: 3 tín chỉ

(i) Học phần pháp luật về xuất nhập khẩu qua biên giới hình thành nhận thức về pháp luật hải quan Việt Nam như quy định về kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới, phương thức kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thu thuế hải quan, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan; (ii) Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết thủ tục hải quan xuất nhập khẩu, kỹ năng tư vấn liên quan đến xuất nhập khẩu như kê khai hải quan, tham vấn mức thuế, giải trình hồ sơ hải quan; (iii) Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thương mại quốc tế; thực hành các kỹ năng tư vấn, giải quyết yêu cầu phát sinh từ lĩnh vực hải quan.

75. Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ: 3 tín chỉ

Học phần Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ trang bị cho SV năm thứ 3 một trong những kỹ năng cơ bản của các luật gia trong hệ thống *common law*, *civil law* và luật gia quốc tế, nhằm khẳng định năng lực làm việc của họ trong môi trường quốc tế. Học phần này nhằm trang bị cho SV các kỹ năng về nhận diện và áp dụng án lệ cũng như kỹ năng phân tích và lập luận trong hệ thống *common law*, *civil law* và trong pháp luật thương mại quốc tế.

76. Luật hàng hải quốc tế: 3 tín chỉ

(i) Cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý chuyên sâu về những nguyên tắc pháp lý, các quy phạm pháp luật quốc tế cũng như của pháp luật Việt Nam điều chỉnh vấn đề pháp luật về hàng hải quốc tế, cụ thể là các nội dung cơ bản việc sử dụng tàu biển

vào các mục đích dân sự như kinh tế - thương mại, vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa, giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hàng hải ở Việt Nam; (ii) Học phần cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng về đàm phán, soạn thảo hợp đồng vận chuyển bằng đường biển quốc tế và kỹ năng giải quyết tranh chấp về hàng hải quốc tế. (iii) Đóng góp vào hình thành tuân thủ pháp luật hàng hải quốc tế; biết cách tiếp cận và nghiên cứu các phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế.

77. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế: 3 tín chỉ

Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế là cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho DN. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ các qui định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế. Cũng như cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về để nhận thức và vận dụng các kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các quan hệ tài chính DN, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của DN

78. Pháp Luật về thi hành án dân sự: 3 tín chỉ

Học phần LTHADS là học phần cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về LTHADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về LTHADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của LTHADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm trong THADS.

79. Chính sách & Pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam: 3 tín chỉ

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu và rộng, học phần *Chính sách & Pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam* cung cấp cho người học tổng quan về chính sách và pháp luật của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử để hiểu rõ mọi

trường kinh doanh ở Việt Nam. Theo đó, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách và pháp luật Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế, nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần thuộc lĩnh vực pháp luật khác có liên quan đến kinh tế quốc tế trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

80. Pháp luật về Liên minh Châu Âu: 3 tín chỉ

Pháp luật Liên minh châu Âu là học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản và chuyên ngành về Liên minh châu Âu và pháp luật của Liên minh châu Âu. Học phần gồm 5 nhóm vấn đề chính: 1) Luật thể chế của Liên minh châu Âu; 2) Luật tư pháp và nội vụ; 3) Luật kinh tế; 4) Chính sách và pháp luật đối ngoại; 5) Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu. Thông qua những vấn đề này, học phần không những cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản của pháp luật Liên minh châu Âu, mà còn trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề pháp lý cụ thể của Liên minh châu Âu trong một số lĩnh vực quan trọng như: Không gian Strengen, nhập cư, thị thực, hợp tác cảnh sát, thị trường nội địa, đồng tiền chung châu Âu...

81. Pháp luật cộng đồng ASEAN: 3 tín chỉ

Môn học Pháp luật Cộng đồng ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Môn học nhằm nâng cao hiểu biết của học viên về Cộng đồng Asean, những quy định pháp luật của ASEAN trong mối quan hệ với pháp luật của quốc gia thành viên và trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực. Khi liên kết ASEAN đang ngày càng trở nên mạnh mẽ, môn học hỗ trợ trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để học viên sẵn sàng cho quá trình hội nhập kinh tế trong tương lai.

82. Luật Thương mại Quốc tế: 3 tín chỉ

Môn học luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: (1) Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; (2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; (3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; (4) Thương mại dịch vụ và GATS; (5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; (6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ

WTO;(7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;(8) Pháp luật về thanh toán quốc tế;(9) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

83. Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế: 3 tín chỉ

Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế là học phần nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và vấn đề tự do hóa một số lĩnh vực dịch vụ cụ thể của các quốc gia.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về thương mại dịch vụ quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quốc tế.

Học phần gồm những vấn đề chính sau: (1) Tổng quan về thương mại dịch vụ quốc tế và pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế; (2) Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế trong khuôn khổ WTO; (3) Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế trong khuôn khổ các liên kết kinh tế khu vực; (4) Pháp luật điều chỉnh quan hệ thương mại dịch vụ quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam; (5) Tự do hóa thương mại trong một số lĩnh vực dịch vụ cụ thể.

84. Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách: 3 tín chỉ

Môn học “*Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách*” nghiên cứu chủ yếu về pháp luật và chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ, từ đó giúp cho người học có cái nhìn khái quát về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ - một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Đồng thời, sinh viên sẽ tích lũy được kiến thức, đảm bảo chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Ngành luật Thương mại quốc tế. Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ; Chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Pháp luật thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Cơ chế hoạch định và thực thi chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Chính sách thương mại của Hoa Kỳ đối với một số đối tác.

85. Pháp luật về thanh toán quốc tế: 3 tín chỉ

Học phần thanh toán quốc tế là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

86. Khoá luận tốt nghiệp